

LỜI MỞ ĐẦU

Sau quá trình học tập và nghiên cứu tại trường Đại học Dân lập Hải Phòng, em đã được các thầy cô giáo tận tình cung cấp những kiến thức cơ bản về chuyên ngành kế toán.

Trong thời gian đi thực tập tại Công ty TNHH SX&TM Sao Đỏ, được sự chỉ bảo tận tình của các cô phòng kế toán và các thầy cô tại trường, em có cơ hội tiếp cận sâu hơn với chuyên ngành qua những thao tác thực tế, gắn kiến thức nhà trường với việc ghi chép, đánh giá phân tích kế toán.

Cùng với đó, nhờ sự hướng dẫn và chỉ bảo tận tình của cô giáo: TS Nghiêm Thị Thà, em đã chọn đề tài: *“Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH SX&TM Sao Đỏ”* cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Có thể nói, việc chọn đề tài này: em đã có điều kiện nắm rõ được những đặc điểm công tác, quản lý, kinh doanh, hình thức kế toán, công tác bộ máy kế toán và nhất là giúp em nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH SX&TM Sao Đỏ

Em xin chân thành cảm ơn TS. Nghiêm Thị Thà, các thầy cô giáo chuyên ngành kế toán và các chuyên ngành khác của trường Đại học Dân Lập Hải Phòng đã tận tình chỉ bảo, giúp đỡ em hoàn thành tốt bài khóa luận tốt nghiệp.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn tới ban lãnh đạo cùng phòng kế toán Công ty TNHH SX&TM Sao Đỏ đã giúp đỡ em trong thời gian thực tập và thu thập số liệu.

Em xin hứa, với những kiến thức đã được tiếp thu trong quá trình học tập và thực tế, em sẽ cố gắng làm việc thật tốt, để không lãng phí công sức của những người đã truyền thụ kiến thức cho em.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sau đây, em xin trình bày kết cấu bài Báo cáo của mình gồm 3 phần sau:

Chương 1: Lý luận cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH SX&TM Sao Đỏ

Chương 3: Một số ý kiến hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH SX&TM Sao Đỏ

Trong quá trình thực tập và hoàn thành khóa luận, do vốn kiến thức còn hạn chế cùng với thời gian thực tế chưa nhiều nên bài khóa luận của em khó tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo để khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm của doanh nghiệp.

1.1.1. Bản chất, nội dung kinh tế, phân loại chi phí sản xuất

*Khái niệm chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống, lao động vật hoá và các chi phí khác mà doanh nghiệp đã chi ra để tiến hành các hoạt động sản xuất trong một thời kỳ nhất định. Trong đó hao phí về lao động sống là các khoản tiền mà doanh nghiệp phải trả cho cán bộ công nhân viên. Hao phí về lao động vật hoá là những khoản hao phí về nguyên nhiên liệu, hao mòn máy móc,....các chi phí này phát sinh có tính chất thường xuyên và gắn liền với quá trình sản xuất.

1.1.1.1. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất

Chi phí là một phạm trù kinh tế quan trọng gắn liền với sản xuất và lưu thông hàng hóa. Đó là những hao phí lao động xã hội được biểu hiện bằng tiền trong quá trình hoạt động kinh doanh. Chi phí của doanh nghiệp là tất cả các chi phí phát sinh gắn liền với doanh nghiệp trong quá trình hình thành, tồn tại và hoạt động từ khâu mua nguyên vật liệu, tạo ra sản phẩm đến khi tiêu thụ sản phẩm.

Chi phí sản xuất kinh doanh nói chung là toàn bộ các chi phí về lao động, lao động vật hóa và các chi phí khác được biểu hiện bằng tiền phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh, trong một thời kỳ nhất định

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Chi phí sản xuất không những bao gồm yếu tố lao động liên quan đến sử dụng lao động (tiền lương, tiền công), lao động vật hóa (khấu hao TSCĐ, chi phí về nguyên vật liệu...) mà còn gồm một số khoản mà thực chất là một phần giá trị mới sáng tạo ra (như các khoản trích theo lương: BHXH, BHYT, BHTN, thuế GTGT không được khấu trừ).

Các chi phí của doanh nghiệp luôn được tính toán đo lường bằng tiền và gắn với một thời gian xác định: tháng, quý, năm

Độ lớn của chi phí là một đại lượng xác định và phụ thuộc vào hai nhân tố chủ yếu: một là khối lượng lao động và tư liệu sản xuất đã tiêu hao vào sản xuất trong một thời kỳ nhất định, hai là giá cả các tư liệu sản xuất đã tiêu dùng và tiền công của một đơn vị lao động đã hao phí

1.1.1.2. Phân loại chi phí sản xuất

❖ Phân loại chi phí theo yếu tố sản xuất

Để phục vụ cho việc tập hợp và quản lý chi phí theo nội dung kinh tế, địa điểm phát sinh, chi phí được phân theo các yếu tố: theo cách phân loại này chi phí sản xuất được chia thành 5 yếu tố chi phí:

-Yếu tố chi phí nguyên vật liệu: Bao gồm toàn bộ giá trị nguyên nhiên vật liệu chính, vật liệu phụ, phụ tùng thay thế, công cụ, dụng cụ....sử dụng để SXKD(loại trừ giá trị vật liệu dùng không hết nhập lại kho và phế liệu thu hồi)

-Yếu tố chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương: Phản ánh tổng số tiền lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương mang tính chất lương phải trả cho toàn bộ công nhân, viên chức

-Yếu tố chi phí BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ: Phản ánh phần BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ trích theo tỷ lệ quy định trên tổng số tiền lương và phụ cấp lương phải trả công nhân viên

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

-Yếu tố chi phí khấu hao TSCĐ: Phản ánh tổng số khấu hao TSCĐ phải trích trong kỳ của tất cả TSCĐ sử dụng cho sản xuất kinh doanh trong kỳ.

-Yếu tố chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh toàn bộ chi phí dịch vụ mua ngoài dùng cho SXKD

-Yếu tố chi phí khác bằng tiền: Phản ánh toàn bộ chi phí khác bằng tiền chưa phản ánh ở các yếu tố trên dùng vào hoạt động SXKD trong kỳ

❖ Phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục chi phí

Căn cứ vào ý nghĩa của chi phí trong giá thành sản phẩm và để thuận tiện cho việc tính toán, dựa vào công dụng của chi phí và mức phân bổ chi phí theo từng đối tượng, toàn bộ chi phí được phân loại theo khoản mục. Theo cách phân loại này chi phí sản xuất gồm:

-Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Phản ánh toàn bộ chi phí về nguyên vật liệu chính, phụ, nhiên liệu...tham gia trực tiếp vào việc sản xuất, chế tạo sản phẩm hay thực hiện lao vụ, dịch vụ....

-Chi phí nhân công trực tiếp: Gồm tiền lương, phụ cấp lương và các khoản trích cho các quỹ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo tỷ lệ với tiền lương phát sinh

-Chi phí sản xuất chung: Là những chi phí phát sinh trong phạm vi phân xưởng sản xuất

❖ Phân loại chi phí sản xuất theo những tiêu thức khác như:

-Phân loại CPSX theo cách ứng xử của chi phí: chi phí của doanh nghiệp được chia thành biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp

-Phân loại CPSX theo mối quan hệ giữa chi phí và đối tượng chịu chi phí: Chi phí được chia thành 2 loại: Chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp.

-Theo thẩm quyền của các nhà quản trị các cấp đối với từng loại chi phí: CPSX được phân thành chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

-Theo cách tập hợp, phản ánh trên sổ kế toán, chi phí sản xuất có thể được phân thành chi phí được phản ánh trên sổ kế toán và chi phí không được phản ánh trên sổ kế toán. Tuy nhiên những chi phí này lại rất quan trọng và các doanh nghiệp cần lưu ý, xem xét khi đưa ra những quyết định kinh doanh-đó là chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội là lợi nhuận tiềm tàng bị mất khi chọn phương án sản xuất kinh doanh này để thay thế một phương án sản xuất kinh doanh khác. Hành động ở đây là phương án tối ưu nhất có sẵn so với phương án được chọn.

1.1.2. Bản chất, nội dung, phân loại giá thành sản phẩm.

*Khái niệm giá thành sản phẩm

Giá thành sản phẩm là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất, phản ánh kết quả sử dụng các loại tài sản, vật tư, lao động, tiền vốn trong quá trình sản xuất cũng như các giải pháp kinh tế kỹ thuật mà doanh nghiệp đã thực hiện nhằm đạt được những mục đích sản xuất được khối lượng sản phẩm nhiều nhất với chi phí sản xuất tiết kiệm hạ giá thành sản phẩm. Giá thành sản phẩm còn là căn cứ để tính toán hiệu quả kinh tế các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

Chỉ tiêu giá thành sản phẩm luôn chứa đựng hai mặt khác nhau vốn có bên trong, nó là chi phí sản xuất đã chi ra và lượng giá trị sử dụng thu được cấu thành trong khối lượng sản phẩm, công việc lao vụ đã hoàn thành. Như vậy bản chất của giá thành sản phẩm là sự chuyển dịch giá trị các yếu tố chi phí vào những sản phẩm, công việc, lao vụ đã hoàn thành.

1.1.2.1. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm

*Bản chất giá thành sản phẩm

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa tính cho một khối lượng hoặc một đơn vị sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất đã hoàn thành

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Giá thành là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh chất lượng và hiệu quả kinh tế của các chi phí bỏ ra trong quá trình sản xuất cũng như phản ánh tính đúng đắn về tổ chức kinh tế, kỹ thuật-công nghệ mà doanh nghiệp đã sử dụng nhằm nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ chi phí sản xuất và nâng cao lợi nhuận của DN. Giá thành còn là căn cứ để xác định giá bán từ đó phân tích tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

***Chức năng của giá thành sản phẩm**

-Chức năng thước đo bù đắp chi phí: giá thành là biểu hiện những hao phí vật chất mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Những hao phí vật chất này cần được bù đắp một cách đầy đủ, kịp thời để đảm bảo yêu cầu tái sản xuất. Bù đắp hao phí sản xuất là vấn đề quan tâm đầu tiên của các doanh nghiệp, bởi hiệu quả kinh tế được biểu hiện ra trước hết ở chỗ doanh nghiệp có khả năng bù đắp lại những gì mình đã bỏ ra hay không. Đủ bù đắp hao phí sản xuất là khởi điểm của hiệu quả

-Chức năng lập giá: để thực hiện chức năng bù đắp chi phí thì khi xây dựng giá phải căn cứ vào giá thành. Tuy nhiên, giá thành cá biệt của từng doanh nghiệp không phải là cơ sở để xây dựng giá cả mà là giá thành bình quân của ngành hoặc khu vực được sản xuất ra trong điều kiện trung bình của ngành hoặc khu vực đó. Nhưng việc xác định giá thành cá biệt ở từng doanh nghiệp lại có ý nghĩa quan trọng cho công tác xác định giá thành bình quân. Trên thị trường, các hàng hóa đều phải bán theo một giá trị thống nhất đó là giá cả thị trường.

-Chức năng đòn bẩy kinh tế: lợi nhuận của doanh nghiệp cao hay thấp phụ thuộc trực tiếp vào giá thành. Hạ thấp giá thành bằng cách cải tiến công nghệ sản xuất, tổ chức lao động khoa học...là biện pháp cơ bản để tăng cường lợi nhuận, tạo tích lũy để tái sản xuất mở rộng.

1.1.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm

❖ Phân loại giá thành sản phẩm theo thời điểm tính giá thành

-Giá thành kế hoạch: Việc tính toán, xác định giá thành kế hoạch sản phẩm được tiến hành trước khi tiến hành quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm, chế tạo sản phẩm do bộ phận kế hoạch thực hiện. Giá thành kế hoạch của sản phẩm được tính trên cơ sở chi phí sản xuất kế hoạch và được xem là mục tiêu phấn đấu của doanh nghiệp, là cơ sở để phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành, kế hoạch hạ giá thành của doanh nghiệp.

-Giá thành định mức: được xác định trước khi bắt đầu sản xuất sản phẩm và được xây dựng trên cơ sở định mức chi phí hiện hành tại thời điểm nhất định trong kỳ kế hoạch nên giá thành định mức luôn thay đổi phù hợp với sự thay đổi của các định mức chi phí đạt được trong quá trình thực hiện sản xuất sản phẩm.

-Giá thành thực tế: Khác với hai loại giá thành trên, giá thành thực tế của sản phẩm lao vụ dịch vụ chỉ được xác định khi qua quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm đã được hoàn thành và dựa trên cơ sở số liệu chi phí sản xuất thực tế đã phát sinh tập hợp trong kỳ.

Giá thành thực tế sản phẩm là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh kết quả phấn đấu của doanh nghiệp trong việc tổ chức và sử dụng các giải pháp kỹ thuật để sản xuất sản phẩm, là cơ sở xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, có ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của doanh nghiệp.

❖ Phân loại giá thành sản phẩm theo phạm vi chi phí cấu thành:

-Giá thành sản xuất (Giá thành công xưởng) là chỉ tiêu phản ánh tất cả những chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, chế tạo sản phẩm trong phạm vi phân xưởng, bộ phận sản xuất, bao gồm chi phí vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung tính cho những sản phẩm, công việc, lao vụ đã hoàn thành. Đây là giá căn cứ tính toán giá vốn hàng bán và lợi nhuận gộp ở các

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

doanh nghiệp sản xuất. Trong phạm vi của bài khóa luận ta sẽ chỉ nghiên cứu loại giá thành này.

-Giá thành tiêu thụ (Giá thành toàn bộ) là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm (chi phí sản xuất, quản lý và bán hàng). Do vậy, giá thành tiêu thụ còn gọi là giá thành đầy đủ hay giá thành toàn bộ được tính theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành toàn bộ} & & \text{Giá thành} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi phí} \\ \text{của sản phẩm tiêu} & = & \text{sản phẩm} & + & \text{quản lý} & + & \text{tiêu thụ} \\ \text{thụ} & & \text{sản xuất} & & \text{doanh nghiệp} & & \text{sản phẩm} \end{array}$$

1.1.3. Mỗi quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Giá thành sản phẩm và chi phí sản xuất là hai chỉ tiêu có mối liên quan chặt chẽ với nhau trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm. Chi phí biểu hiện hao phí còn giá thành biểu hiện kết quả.

Đây là hai mặt thống nhất của một quá trình. Vì vậy chúng giống nhau về chất. Tuy nhiên, do bộ phận chi phí sản xuất giữa các kỳ không đồng đều nhau nên giá thành và chi phí sản xuất khác nhau về lượng. Sự khác biệt của chúng thể hiện ở chỗ:

-Chi phí sản xuất luôn gắn với một thời kỳ nhất định, còn giá thành sản phẩm lại gắn liền với một loại sản phẩm, công việc hoặc lao vụ nhất định

-Trong giá thành sản phẩm chỉ bao gồm một phần chi phí thực tế đã phát sinh (chi phí trả trước) hoặc một phần chi phí sẽ phát sinh ở các kỳ sau, những chi phí đã ghi nhận là chi phí của kỳ này (chi phí phải trả)

-Giá thành sản phẩm chứa đựng cả một phần chi phí của kỳ trước chuyển sang (chi phí về sản phẩm dở dang đầu kỳ)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tổng giá thành		Chi phí sản		Chi phí phát		Chi phí sản
sản phẩm hoàn	=	xuất dở dang	+	sinh trong kỳ	-	xuất dở dang
thành		đầu kỳ				cuối kỳ

Mỗi một loại hình doanh nghiệp với một lĩnh vực kinh doanh khác nhau thì sẽ lựa chọn phương pháp xác định sản phẩm dở dang cũng như phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành khác nhau.

1.2. Kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm của doanh nghiệp

1.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm, kỳ tính giá thành sản phẩm.

*Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là việc xác định giới hạn tập hợp chi phí, thực chất là xác định nơi phát sinh chi phí hoặc nơi gánh chịu chi phí. Nơi phát sinh chi phí như: phân xưởng sản xuất, đội sản xuất. Còn nơi chịu chi phí là sản phẩm, một loại lao vụ nào đó hoặc các bộ phận chi tiết của sản phẩm.

*Đối tượng tính giá thành sản phẩm

Đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm, bán thành phẩm, công việc lao vụ mà doanh nghiệp đã hoàn thành đòi hỏi phải tính tổng giá thành và giá thành đơn vị

Đối tượng tính giá thành được xác định dựa vào loại hình sản xuất, đặc điểm tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ sản xuất, yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Do đó, đối tượng tính giá thành thường trùng với đối tượng tập hợp chi phí nhưng phải là những sản phẩm, công việc, lao vụ đã hoàn thành. Dựa vào các căn cứ trên, đối tượng tính giá thành có thể là: từng bộ phận, chi tiết sản phẩm,

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

sản phẩm hoàn thành ở cuối quy trình công nghệ hay bán phẩm, đơn đặt hàng, hạng mục công trình.

Xác định đối tượng tính giá thành đúng, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của doanh nghiệp giúp cho kế toán tổ chức mở sổ kế toán và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý nội bộ doanh nghiệp.

*Xác định đối tượng tính giá thành là công việc cần thiết đầu tiên trong toàn bộ công việc tính giá thành sản phẩm. Đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ do doanh nghiệp sản xuất ra, cần phải tính được tổng giá thành và giá thành đơn vị

Kế toán giá thành phải căn cứ vào đối tượng tính giá thành là đặc điểm tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, yêu cầu và trình độ quản lý của doanh nghiệp

-Xét về mặt tổ chức sản xuất:

+Doanh nghiệp tổ chức sản xuất đơn chiếc (như xí nghiệp đóng tàu công ty xây dựng cơ bản.....) thì từng sản phẩm, từng công việc là đối tượng tính giá thành.

+Doanh nghiệp tổ chức sản xuất hàng loạt: sản phẩm không được đặt mua trước khi sản xuất, sản xuất hàng loạt, mặt hàng ổn định thì đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm hoàn thành

+Doanh nghiệp tổ chức sản xuất theo đơn đặt hàng, sản xuất hàng loạt, mặt hàng ổn định, khối lượng sản xuất lớn thì đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm hoàn thành hoặc từng đơn đặt hàng.

-Xét về mặt quy trình công nghệ sản xuất:

+Nếu quy trình công nghệ sản xuất giản đơn thì đối tượng tính giá thành là thành phẩm hoàn thành ở cuối quy trình sản xuất

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+Nếu quy trình công nghệ sản xuất phức tạp kiểu liên tục thì đối tượng tính giá thành là bán thành phẩm ở từng giai đoạn hay thành phẩm chế tạo ở giai đoạn cuối cùng

+Nếu quy trình công nghệ sản xuất phức tạp song song thì đối tượng tính giá thành là từng chi tiết, bộ phận sản phẩm hoàn thành và thành phẩm cuối cùng đã hoàn chỉnh.

***Kỳ tính giá thành sản phẩm**

Kỳ tính giá thành là thời kỳ bộ phận kế toán giá thành tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành. Giá thành sản phẩm, công việc, lao vụ không thể tính vào bất kỳ thời điểm nào mà phải phụ thuộc vào chu kỳ sản xuất và đặc điểm sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp để xác định giá thành cho phù hợp. Kỳ tính giá thành có thể là tháng, quý, năm hay có thể là khi hoàn thành xong đơn đặt hàng hoặc hoàn thành xong các hạng mục công trình.

1.2.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất, phương pháp tính giá thành sản phẩm

***Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất**

Trên cơ sở đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, kế toán lựa chọn phương pháp hạch toán chi phí thích hợp. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là một phương pháp hay hệ thống các phương pháp được sử dụng để tập hợp và phân loại các chi phí sản xuất trong phạm vi giới hạn của các đối tượng hạch toán chi phí.

Về cơ bản, phương pháp hạch toán chi phí sản xuất bao gồm các phương pháp hạch toán chi phí theo sản phẩm, theo đơn đặt hàng, theo giai đoạn công nghệ, theo phân xưởng, theo nhóm sản phẩm...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nội dung chủ yếu của phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là kế toán mở thẻ (hoặc sổ) chi tiết hạch toán theo từng đối tượng đã xác định, phản ánh các chi phí có liên quan đến đối tượng, hàng tháng tổng hợp chi phí theo từng đối tượng.

Mỗi phương pháp hạch toán chi thích ứng được với một loại đối tượng hạch toán chi phí nên tên gọi của các phương pháp này là biểu hiện đối tượng mà nó cần tập hợp và phân loại chi phí.

***Phương pháp tính giá thành sản phẩm**

1.2.2.1. Phương pháp tính giá thành giản đơn

Theo phương pháp này giá thành sản phẩm tính bằng cách căn cứ trực tiếp vào chi phí sản xuất đã tập hợp (theo từng đối tượng tập hợp chi phí) trong kỳ và giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ và sản phẩm dở dang cuối kỳ để tính ra giá thành theo công thức:

$$\begin{aligned} \text{Tổng giá thành sản phẩm} &= \text{Giá trị sản phẩm dd đ.kỳ} + \text{Chi phí phát sinh trong kỳ} - \text{Giá trị sản phẩm dd c.kỳ} \\ \text{Giá thành đơn vị sản phẩm} &= \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm}}{\text{Khối lượng sản phẩm hoàn thành}} \end{aligned}$$

1.2.2.2. Phương pháp tổng cộng chi phí

Phương pháp tính giá thành này được áp dụng đối với các doanh nghiệp mà quá trình sản xuất sản phẩm được thực hiện ở nhiều bộ phận sản xuất, nhiều giai đoạn công nghệ, đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là các bộ phận, chi tiết sản phẩm hoặc giai đoạn công nghệ hay bộ phận sản xuất. Giá thành sản phẩm được xác định bằng cách cộng chi phí sản xuất của các bộ phận, chi tiết sản

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

phẩm hay tổng chi phí sản xuất của các giai đoạn, bộ phận sản xuất tạo nên thành phẩm.

$$\text{Giá thành thành phẩm} = Z_1 + Z_2 + \dots + Z_n$$

Phương pháp tổng cộng chi phí được áp dụng phổ biến trong các doanh nghiệp khai thác, nhuộm, dệt.....

1.2.2.3. Phương pháp tính giá thành theo hệ số

Phương pháp hệ số được áp dụng trong những doanh nghiệp mà trong cùng một quá trình sản xuất cùng sử dụng một thứ nguyên liệu và một lượng lao động nhưng thu được đồng thời nhiều sản phẩm khác nhau và chi phí không hạch toán riêng cho từng loại sản phẩm được mà phải hạch toán chung cho cả quá trình sản xuất. Theo phương pháp này, trước hết kế toán căn cứ vào hệ số quy đổi để quy các loại sản phẩm về sản phẩm tiêu chuẩn (sản phẩm gốc)

$$\begin{array}{l} \text{Số lượng sp} \\ \text{tiêu chuẩn} \end{array} = \sum \begin{array}{l} \text{Số lượng sp sx thực} \\ \text{tế của từng loại} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số tính giá} \\ \text{thành của từng loại} \end{array}$$

Từ đó, dựa vào tổng chi phí liên quan đến giá thành các loại sản phẩm để tập hợp để tính giá thành sản phẩm gốc và giá thành từng loại sản phẩm.

$$\text{Giá thành đơn vị sp gốc} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá trị sp dd} \\ \text{Đ.kỳ của} \\ \text{nhóm sp} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng chi phí sx} \\ \text{phát sinh trong} \\ \text{kỳ của nhóm sp} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị sp dd} \\ \text{C.kỳ của} \\ \text{nhóm sp} \end{array}}{\text{Số lượng sản phẩm gốc}}$$

1.2.2.4. Phương pháp tính giá thành theo tỷ lệ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trong các doanh nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm có quy cách, chất lượng khác nhau như may mặc, dệt kim, đóng giày, cơ khí chế tạo... để giảm bớt khối lượng hạch toán, kế toán trưởng tiến hành tập hợp chi phí sản xuất theo nhóm sản phẩm cùng loại. Căn cứ vào tỷ lệ chi phí giữa chi phí sản xuất thực tế với chi phí sản xuất kế hoạch (hoặc định mức), kế toán sẽ tính ra giá thành đơn vị và tổng giá thành sản phẩm từng loại.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực tế} \\ \text{đơn vị sản phẩm} \\ \text{từng loại} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành kế hoạch} \\ \text{hoặc định mức đơn vị} \\ \text{thực tế sp từng loại} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ giữa chi phí thực tế so} \\ \text{với chi phí kế hoạch hoặc} \\ \text{định mức của tất cả các loại} \\ \text{sp} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ giữa cp} \\ \text{thực tế so với cp} \\ \text{kế hoạch hoặc} \\ \text{định mức của tất} \\ \text{cả các nhóm sp} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá trị sp} \\ \text{dd đ.kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng CF sx} \\ \text{trong kỳ của} \\ \text{nhóm} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị spdd cuối} \\ \text{kỳ của nhóm sp} \end{array}}$$

Tổng giá thành kế hoạch hoặc định mức của nhóm sp

1.2.2.5. Phương pháp đơn đặt hàng

Đây là phương pháp tính giá thành trong điều kiện doanh nghiệp sản xuất đơn chiếc hoặc hàng loạt theo yêu cầu của khách hàng. Đặc điểm của phương pháp này là tính giá thành riêng biệt theo từng đơn đặt hàng nên đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng đơn đặt hàng và đối tượng tính giá thành là sản phẩm của từng đơn đặt hàng. Theo phương pháp này, chi phí nào liên quan trực

tiếp đến từng đơn hàng thì sẽ được tập hợp trực tiếp cho đơn đặt hàng đó. Nhưng chi phí này liên quan đến nhiều đơn đặt hàng khác nhau thì trường hợp riêng sau đó phân bổ cho từng đơn đặt hàng theo tiêu thức hợp lý.

1.2.2.6. Phương pháp phân bước

- Phương pháp tính giá thành phân bước có tính giá thành bán thành phẩm

Phương pháp này thường được áp dụng ở các doanh nghiệp có yêu cầu hạch toán kinh tế nội bộ cao hoặc bán thành phẩm sản xuất ở các bước có thể dùng làm thành phẩm bán ra ngoài. Đặc điểm của phương pháp này là khi tập hợp chi phí sản xuất của các giai đoạn công nghệ, giá trị bán thành phẩm của các bước trước chuyển sang bước sau được tính theo giá thành thực tế và được phản ánh theo từng khoản mục chi phí và gọi là kết chuyển tuần tự.

- Phương pháp tính giá thành phân bước không tính giá thành bán thành phẩm

Trong những doanh nghiệp mà yêu cầu hạch toán kinh tế nội bộ không cao hoặc bán thành phẩm chế biến ở từng bước không bán ra ngoài chi phí chế biến phát sinh trong các giai đoạn công nghệ được tính nhập vào giá thành thành phẩm một cách đồng thời, song song nên còn gọi là kết chuyển song song. Theo phương án này, kế toán không cần tính giá thành bán thành phẩm hoàn thành trong từng giai đoạn mà chỉ tính giá thành thành phẩm hoàn thành bằng cách tổng hợp chi phí nguyên vật liệu chính và các chi phí chế biến khác trong các giai đoạn công nghệ.

1.2.3. Vai trò, nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm.

Trong công tác quản lý doanh nghiệp thì chi phí sản xuất là một trong những chỉ tiêu quan trọng luôn được các doanh nghiệp đặc biệt quan tâm. Thông qua số liệu do bộ phận kế toán tập hợp được, các nhà quản lý có thể luôn biết được hoạt động và kết quả thực tế, từ đó đề ra các biện pháp có hiệu quả, kịp thời nhằm hạ thấp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, đề ra các quyết định phù hợp với phát triển sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản trị doanh nghiệp.

Việc phân tích đánh giá đúng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cần phải có thông tin giá thành sản phẩm chính xác. Về phía mình, giá thành sản phẩm chịu sự ảnh hưởng của kết quả tập hợp chi phí sản xuất. Do vậy, tổ chức tốt công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm để đảm bảo xác định đúng nội dung, phạm vi chi phí cấu thành trong giá thành sản phẩm, lượng giá trị các yếu tố chi phí đã được chuyển dịch vào sản phẩm có ý nghĩa quan trọng và cấp bách. Trong nền kinh tế cạnh tranh ngày càng gay gắt, doanh nghiệp có thể đứng vững và phát triển trên thị trường thì đòi hỏi phải được quản lý điều hành một cách có hiệu quả. Việc này có ảnh hưởng lớn đến hệ thống kế toán chi phí, công tác kế toán chi phí không những chỉ tuân theo chế độ kế toán hiện hành mà còn phù hợp với yêu cầu quản lý để có thể đưa ra quyết định kinh doanh một cách đúng đắn. Điều này có liên quan đến yếu tố thời gian, tính kịp thời, chính xác vì thông tin có thể chậm trễ và có thể bị sai lầm do. Xuất phát từ yêu cầu quản lý đòi hỏi kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

-Xác định đúng đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm. Để thực hiện tốt kế toán phải căn cứ vào đặc điểm quy trình công nghệ, đặc điểm tổ chức sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

-Tổ chức kế toán tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất theo đúng đối tượng đã xác định và lựa chọn phương pháp hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm phù hợp

-Xác định chính xác chi phí sản phẩm dở dang cuối kỳ

Vận dụng phương pháp tính giá thành thích hợp để tính toán giá thành và giá thành đơn vị của các đối tượng tính giá thành theo khoản mục quy định và đúng kỳ tính giá thành đã xác định. Định kỳ cung cấp các báo cáo về chi phí sản xuất và giá thành cho lãnh đạo doanh nghiệp và tiến hành thực hiện phân tích tình hình thực hiện định mức, dự toán chi phí sản xuất, tình hình thực hiện giá thành kế hoạch để có những kiến nghị. Đề xuất lãnh đạo doanh nghiệp có hướng giải quyết cũng như phát hiện kịp thời tiềm năng và đề xuất các biện pháp có thể thực hiện, nhằm phân đấu không ngừng tiết kiệm chi phí và hạ giá thành sản phẩm.

1.2.4.Trình tự kế toán tập hợp chi phí sản xuất,tính giá thành sản phẩm.

1.2.4.1.Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

- Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là toàn bộ chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện lao vụ dịch vụ.

Đối với những vật liệu khi xuất dùng có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng tập hợp chi phí riêng biệt (phân xưởng,bộ phận sản xuất hoặc sản phẩm,lao vụ.....) thì hạch toán trực tiếp cho đối tượng đó. Trường hợp vật liệu xuất dùng có liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí, không thể tổ chức hạch toán riêng được thì phải áp dụng phương pháp phân bổ gián tiếp để phân bổ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

chi phí cho các đối tượng có liên quan. Tiêu thức phân bổ thường được sử dụng là phân bổ theo định mức tiêu hao, theo hệ số, theo trọng lượng, số lượng sản phẩm....Công thức phân bổ như sau:

$$\begin{array}{ccc} \text{Chi phí vật liệu phân bổ cho} & & \text{Tổng tiêu thức phân bổ của} \\ \text{từng đối tượng} & = & \text{từng đối tượng} & \times & \text{Tỷ lệ} \\ \text{(hoặc sản phẩm)} & & \text{(hoặc sản phẩm)} & & \text{phân bổ} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{ccc} \text{Tỷ lệ} & & \text{Tổng chi phí vật liệu cần phân bổ} \\ \text{phân bổ} & = & \frac{\hspace{10em}}{\hspace{10em}} \\ & & \text{Tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng} \end{array}$$

*Tài khoản sử dụng : TK621 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Kết cấu cơ bản của TK này như sau:

Bên Nợ: +Tập hợp chi phí NVL xuất dùng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm hay thực hiện các lao vụ,dịch vụ.

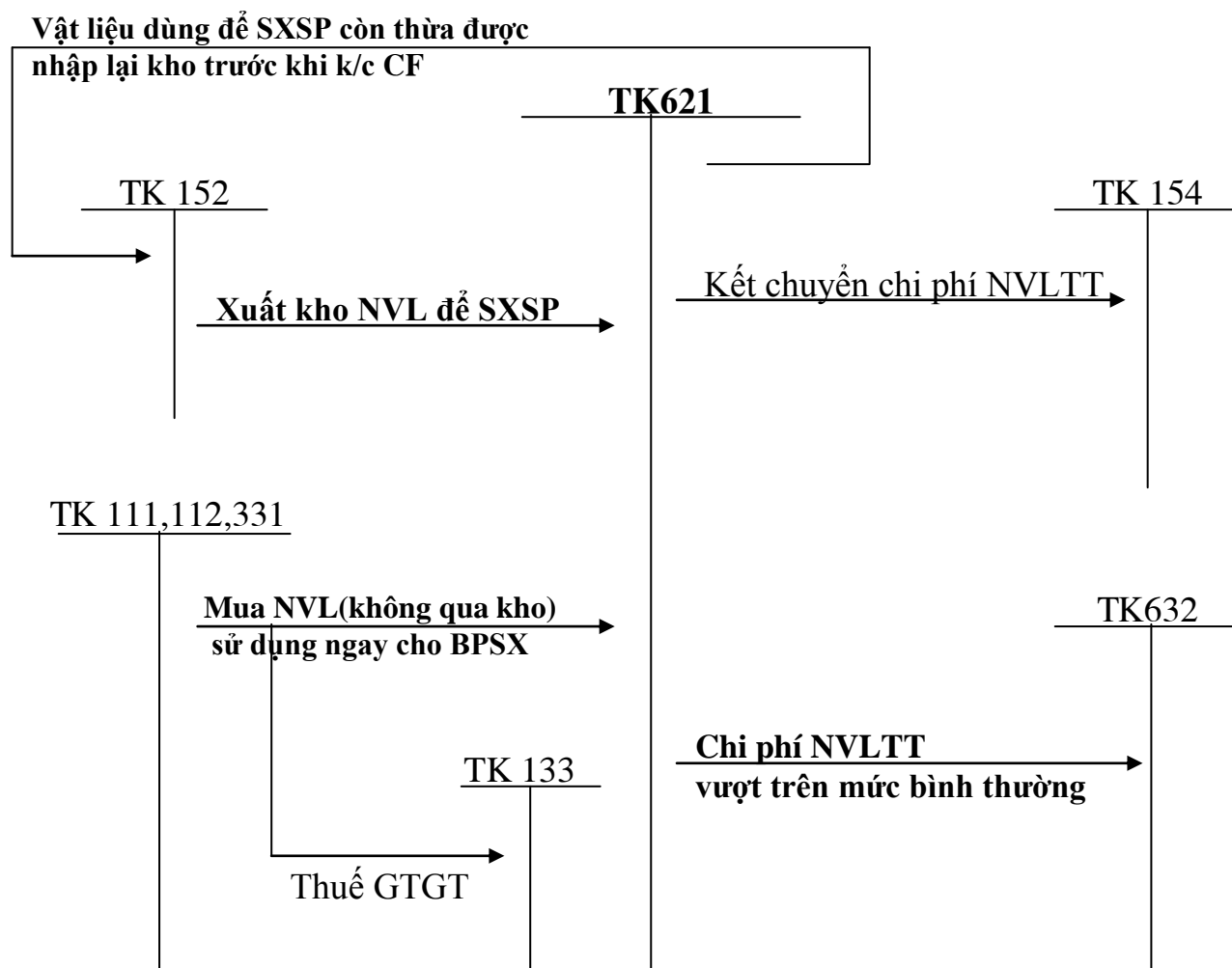
Bên Có: +Giá trị vật liệu xuất dùng không hết
+Kết chuyển chi phí vật liệu trực tiếp

TK 621 không có số dư

Sơ đồ hạch toán:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

(Theo phương pháp kê KKTX)



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được xác định căn cứ vào nguyên vật liệu tồn đầu kỳ, giá trị thực nhập trong kỳ và kết quả kiểm kê cuối kỳ theo công thức:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế NVL} & & & & \text{Giá thực tế} \\ \text{xuất dùng} & = & \text{Giá thực tế NVL} & + & \text{nguyên vật liệu} & - & \text{Giá thực tế} \\ & & \text{tồn đầu kỳ} & & \text{nhập trong kỳ} & & \text{NVL tồn} \\ & & & & & & \text{CK} \end{array}$$

-TK 621- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được chi tiết theo từng đối tượng hạch toán chi phí và chi phí không được ghi theo từng chứng từ xuất mà một lần vào cuối kỳ kế toán dựa vào kết quả kiểm kê.

-TK 631 dùng để tập hợp chi phí sản xuất theo phương pháp này được chi tiết theo địa điểm phát sinh chi phí và theo loại, nhóm, chi tiết sản phẩm, lao vụ... có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh DD đầu kỳ
- Tổng hợp chi phí phát sinh trong kỳ

Bên Có:

- Giá trị phế liệu thu hồi
- Giá trị sản phẩm hỏng không sửa chữa được
- Giá thành sản xuất hoàn thành
- Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ

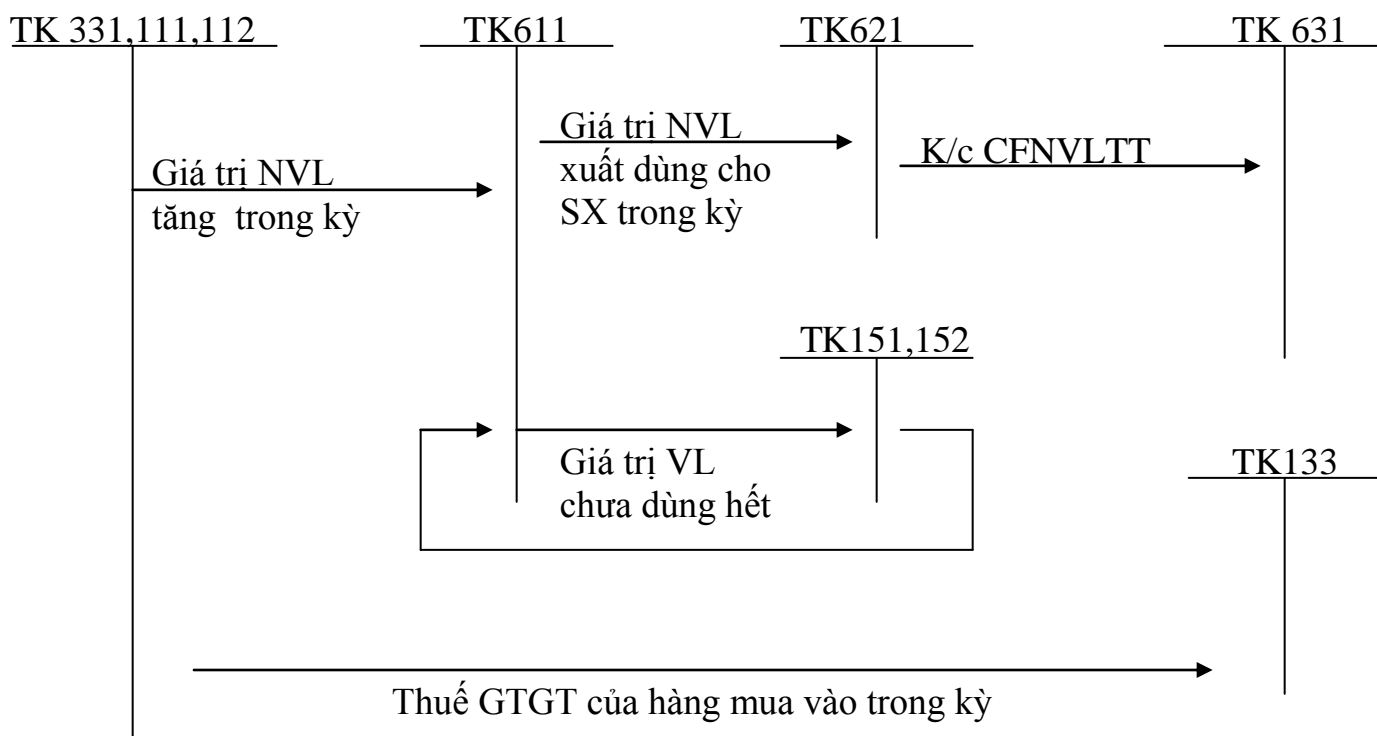
Cuối kỳ TK 631 không có số dư.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ hạch toán CFNVLTT:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

(Theo phương pháp kê KKĐK)



1.2.4.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.

- Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

Chi phí nhân công trực tiếp là những khoản tiền phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm hoặc trực tiếp thực hiện các loại lao vụ, dịch vụ gồm: tiền lương chính, tiền lương phụ, các khoản phụ cấp, tiền trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo số tiền lương cơ bản của công nhân sản xuất.

*TK sử dụng: TK622 - Chi phí nhân công trực tiếp

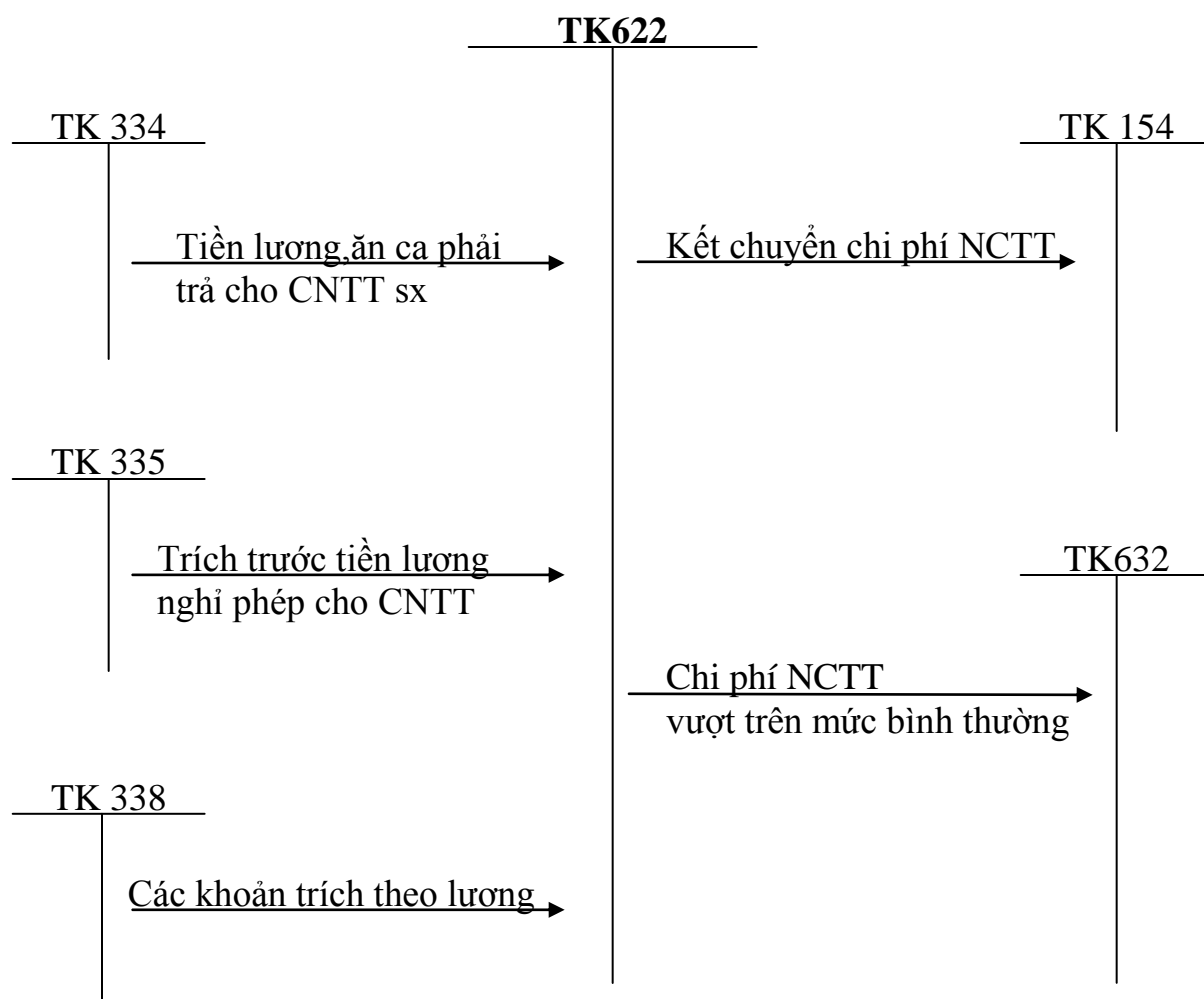
Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ: +Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp sản xuất sản phẩm
+Thực hiện lao vụ, dịch vụ

Bên Có: Kết chuyển CPNCTT vào tài khoản tính giá thành
TK 622 không có số dư

Chi phí nhân công trực tiếp

(Theo phương pháp kê KKTX)

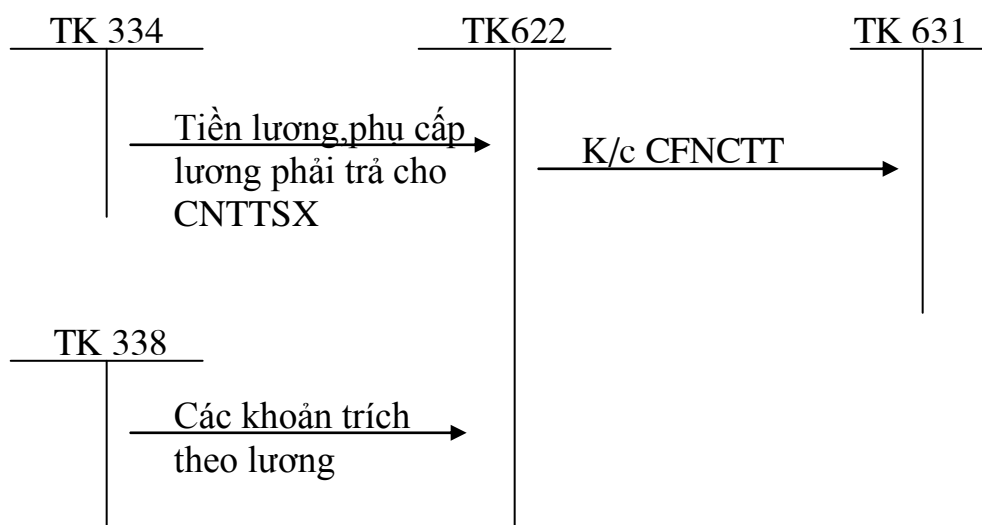


KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Sơ đồ hạch toán

Chi phí nhân công trực tiếp (Theo phương pháp kê KKĐK)



1.2.4.3. Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là những chi phí phát sinh trong phạm vi các phân xưởng, bộ phận sản xuất của doanh nghiệp phục vụ chung cho quá trình sản xuất

Chi phí sản xuất chung bao gồm: Chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí vật liệu, chi phí dụng cụ sản xuất, chi phí khấu hao TSCĐ, Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác

*Phân bổ chi phí sản xuất chung

-Nếu ở phân xưởng chỉ có một loại sản phẩm được sản xuất thì toàn bộ chi phí sản xuất chung ở phân xưởng phát sinh được kết chuyển toàn bộ vào chi phí sản xuất sản phẩm

-Nếu ở phân xưởng sản xuất có từ 2 loại sản phẩm trở lên thì phải tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung theo các tiêu thức có thể như: Tỷ lệ lương công nhân

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

sản xuất, tỷ lệ với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, tỷ lệ với số giờ máy chạy, với nhiên liệu tiêu hao.... để xác định mức phân bổ cho từng đối tượng chịu chi phí sử dụng công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Mức phân bổ} \\ \text{chi phí sản} \\ \text{xuất chung} \\ \text{cho từng đối} \\ \text{tượng} \end{array} = \frac{\text{Chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh} \\ \text{trong kỳ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của các đối tượng}} \times \begin{array}{l} \text{Số tiêu thức} \\ \text{phân bổ của} \\ \text{từng đối tượng} \end{array}$$

*Tài khoản sử dụng: TK627- Chi phí sản xuất chung

Kết cấu TK:

Bên Nợ: +Tập hợp chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh

Bên Có: +Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung

+Kết chuyển chi phí sản xuất chung

TK 627 không có số dư

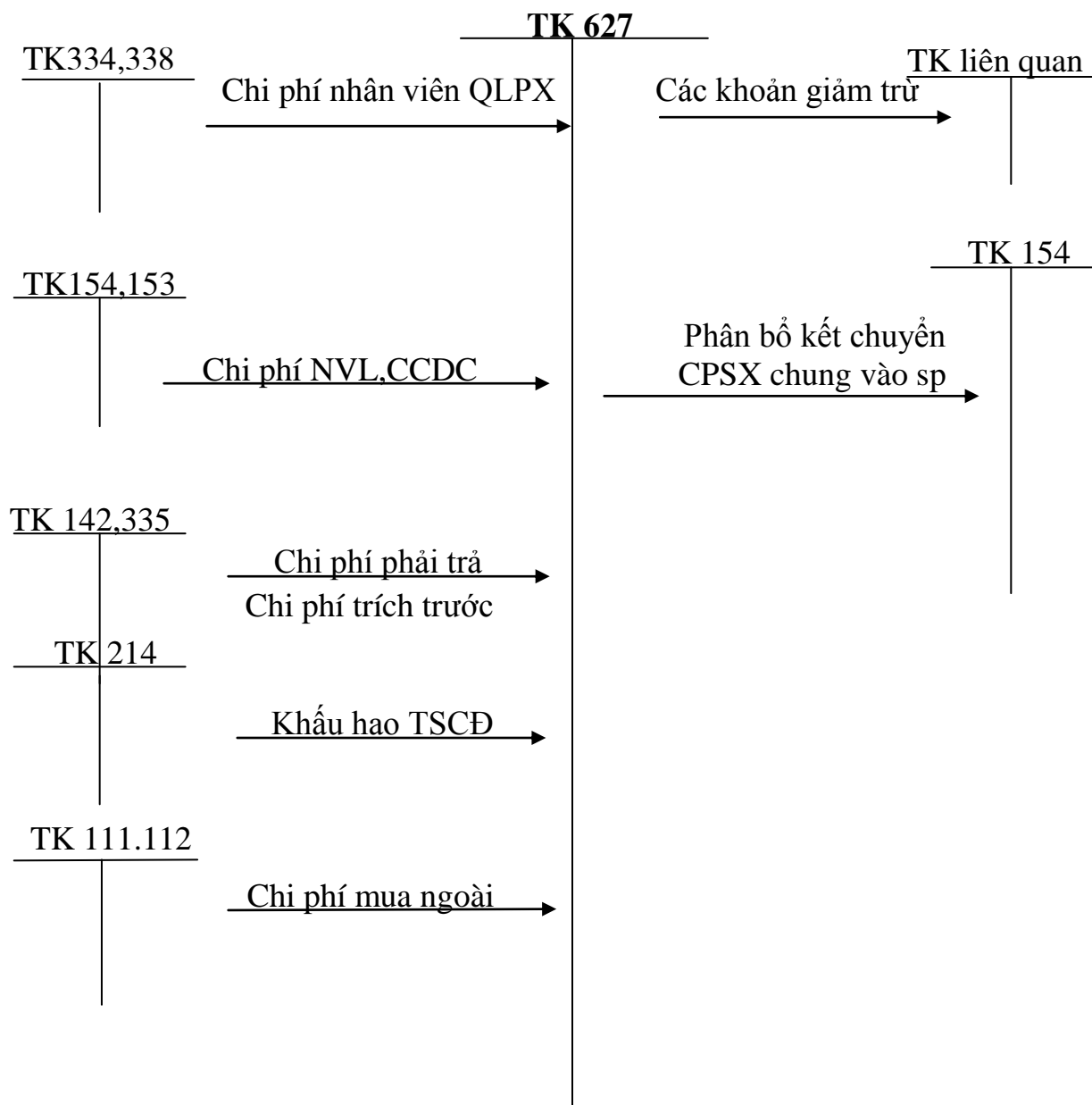
TK 627 được quy định gồm nhiều tài khoản cấp 2 để theo dõi chi tiết nội dung các khoản chi khác nhau:

- TK 6271-Chi phí nhân viên phân xưởng
- TK 6272-Chi phí vật liệu dùng chung cho phân xưởng
- TK 6273-Chi phí dụng cụ sản xuất dùng cho quản lý phân xưởng
- TK 6274-Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6277-Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6278-Chi phí bằng tiền khác

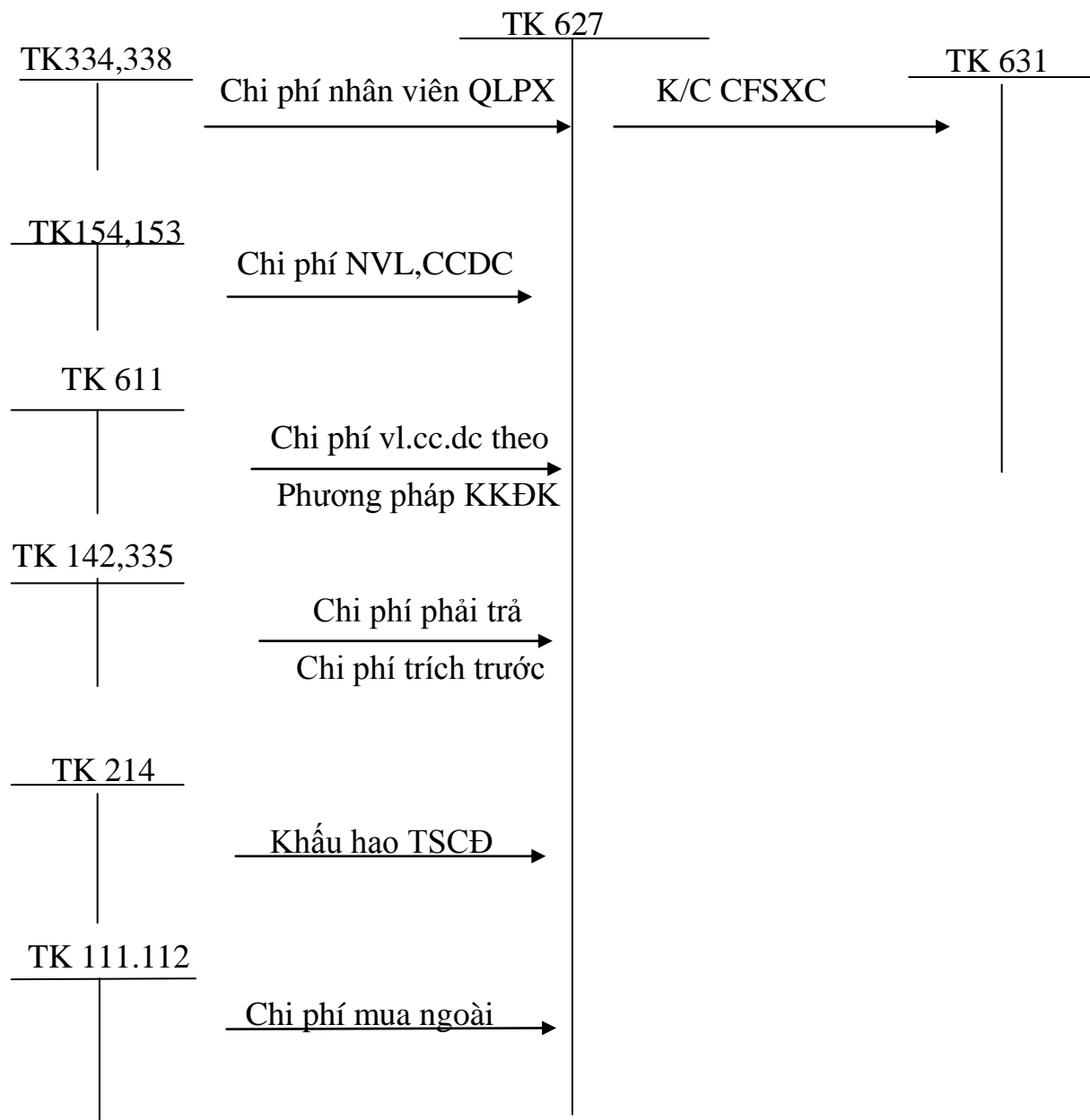
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ hạch toán

Chi phí sản xuất chung (Theo phương pháp kê KKTX)



Chi phí sản xuất chung
(Theo phương pháp kê KKĐK)



1.2.4.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất toàn DN

- Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

Các chi phí bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung vào cuối kỳ kế toán tiến hành kết chuyển sang TK 154-Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Để tổng hợp toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ và trước khi tính giá thành phải trừ đi:

-Giá trị vật liệu thu hồi

-Giá trị sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được

TK 154 được dùng để tổng hợp chi phí sản xuất và tổng hợp giá thành sản xuất. TK này được mở chi tiết theo từng ngành sản xuất, từng nơi phát sinh chi phí hay từng loại sản phẩm, chi tiết sản phẩm, từng loại lao vụ, dịch vụ...của các bộ phận kinh doanh chính, phụ.

* Tài khoản sử dụng: TK 154-Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Kết cấu của TK:

Bên Nợ: Tổng hợp các chi phí sản xuất trong kỳ

Bên Có: Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất sản phẩm. Tổng giá thành sản xuất thực tế hay chi phí thực tế của sản phẩm lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành

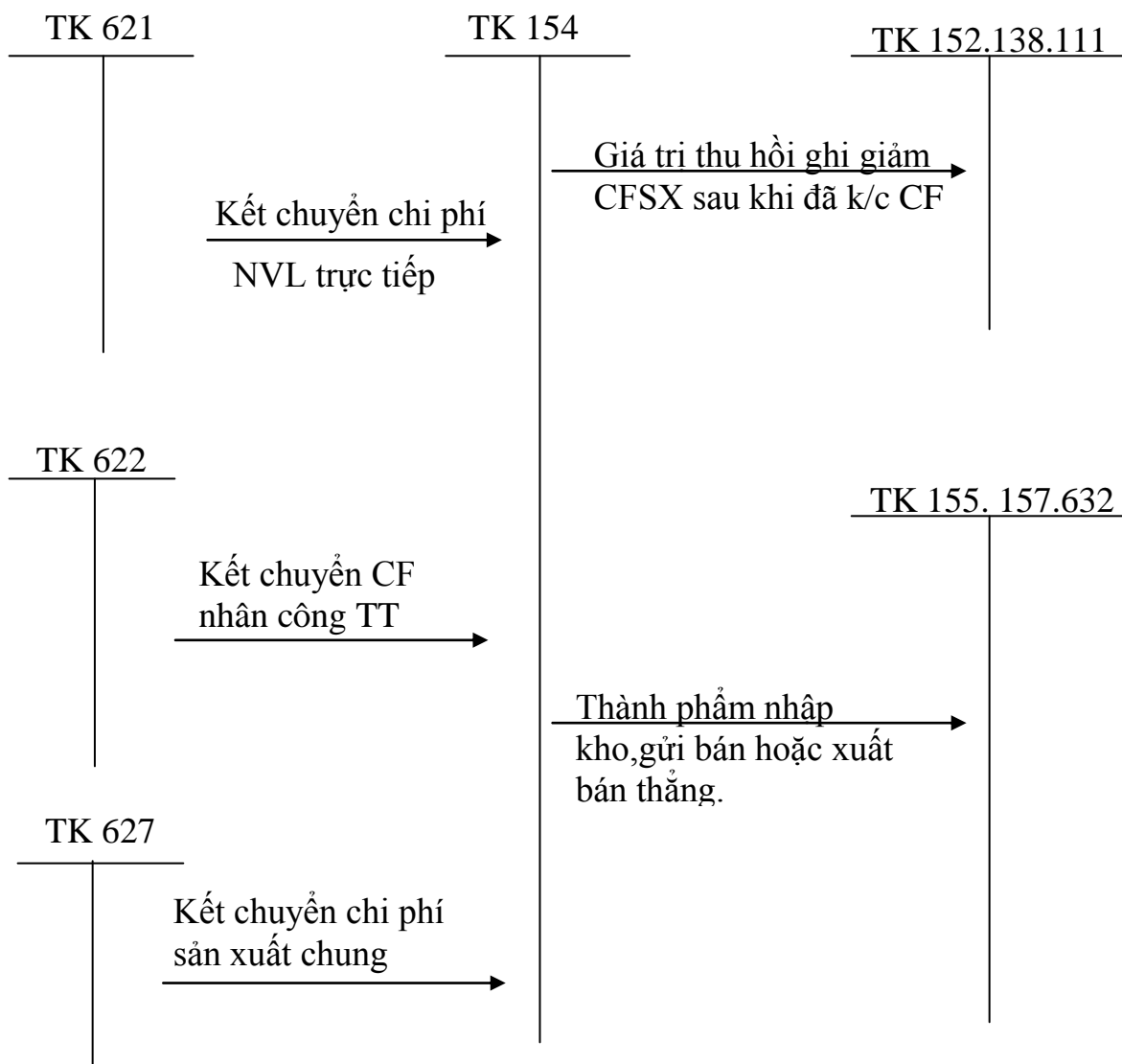
Dư Nợ: Chi phí thực tế của sản phẩm, lao vụ, dịch vụ dở dang, chưa hoàn thành

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ hạch toán:

Tập hợp chi phí sản xuất

(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)



- Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

TK sử dụng: TK 631- Giá thành sản xuất

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ: Phản ánh giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ và các chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ liên quan tới chế tạo sản phẩm hay thực hiện lao vụ, dịch vụ.

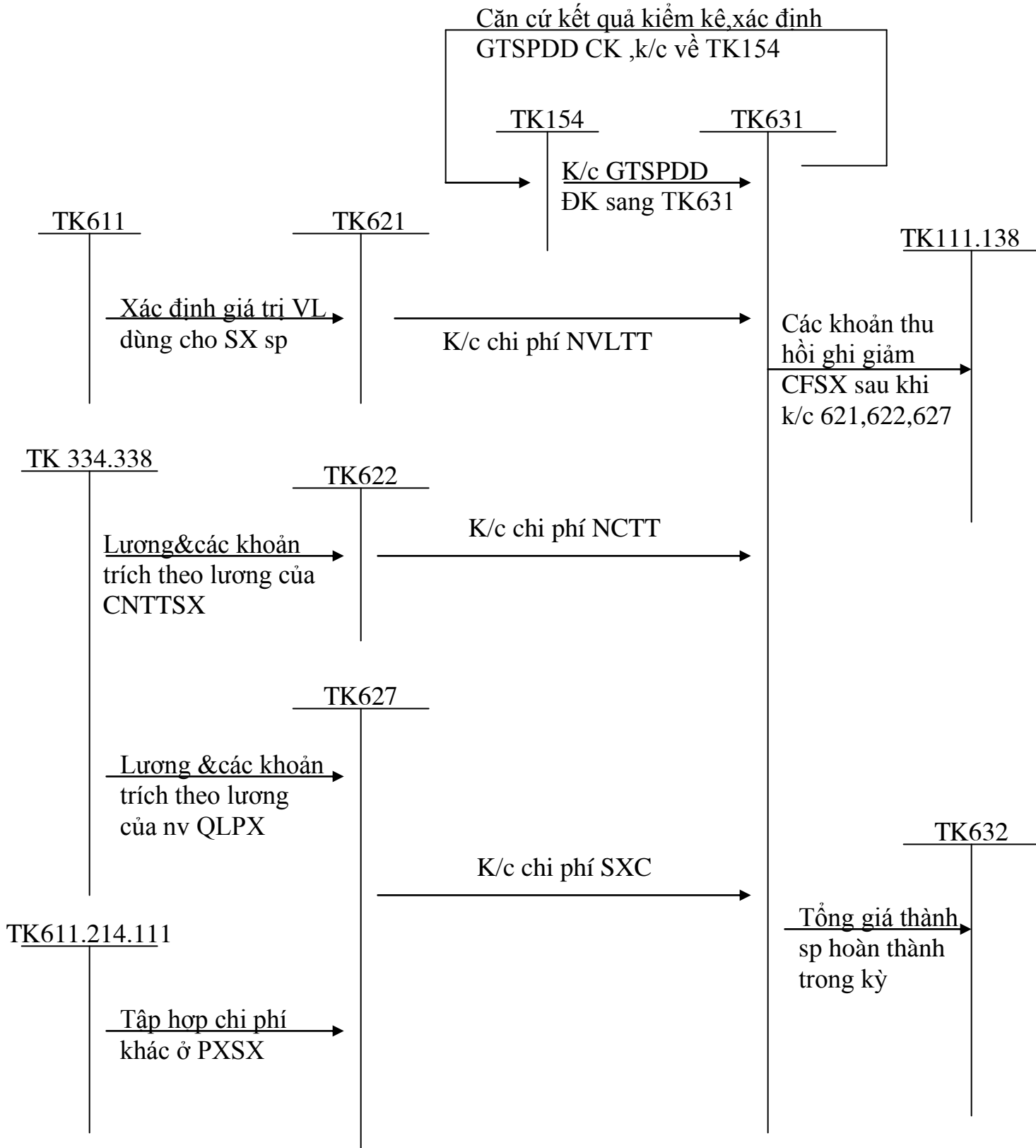
Bên Có: +Kết chuyển giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+Tổng giá thành sản phẩm,lao vụ,dịch vụ hoàn thành

TK 631 không có số dư

Sơ đồ kế toán tập hợp chi phí sản xuất(Theo PP KKĐK)



1.2.4.5. Đánh giá sản phẩm dở dang

Sản phẩm dở dang là khối lượng sản phẩm công việc còn đang trong quá trình sản xuất, chế biến đang nằm trên dây chuyền công nghệ hoặc đã hoàn thành ở một vài quy trình chế biến nhưng vẫn phải gia công chế biến tiếp mới thành thành phẩm.

Khi tiến hành đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ kế toán phải dựa vào đặc điểm tình hình cụ thể về tổ chức sản xuất, về quy trình công nghệ, về tính chất cấu thành của chi phí sản xuất và yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp để vận dụng phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ cho phù hợp.

1. Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính

Theo phương pháp này, toàn bộ chi phí chế biến được tính hết cho thành phẩm. Do vậy, trong sản phẩm dở dang chỉ bao gồm giá trị vật liệu chính.

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị vật liệu} \\ \text{chính nằm} \\ \text{trong sp dd} \end{array} = \frac{\text{Số lượng sp dd cuối kỳ}}{\text{Số lượng thành phẩm} + \text{Số lượng sp dở dang}} \times \begin{array}{l} \text{Toàn bộ giá trị} \\ \text{vật liệu chính} \\ \text{xuất dùng} \end{array}$$

2. Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương

Dựa theo mức độ hoàn thành và số lượng sản phẩm dở dang để quy sản phẩm dở dang thành sản phẩm hoàn thành. Tiêu chuẩn quy đổi thường dựa vào giờ công hoặc tiền lương định mức. Để bảo đảm tính chính xác của việc đánh giá, phương pháp này chỉ nên áp dụng để tính các chi phí chế biến còn các chi phí nguyên vật liệu chính phải xác định theo số thực tế đã xuất dùng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị vật liệu} \\ \text{chính nằm} \\ \text{trong sp dd} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Số lượng sp dd cuối kỳ} \\ \text{(không quy đổi)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng thành} \\ \text{phẩm} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng sp} \\ \text{dd không quy} \\ \text{đổi} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Toàn bộ giá trị} \\ \text{vật liệu chính} \\ \text{xuất dùng} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí chế} \\ \text{biến nằm trong} \\ \text{sp dd} \\ \text{(theo từng loại)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Số lượng sp dd cuối kỳ} \\ \text{quy đổi ra sản phẩm} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng thành} \\ \text{phẩm} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng sp} \\ \text{dd quy đổi ra} \\ \text{thành phẩm} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Tổng chi phí} \\ \text{chế biến} \\ \text{từng loài} \end{array}$$

3. Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo 50% chi phí chế biến

Để đơn giản việc tính toán, đối với những loại sản phẩm mà chi phí chế biến chiếm tỷ trọng thấp trong tổng chi phí, kế toán thường sử dụng phương pháp này. Thực chất đây là một dạng của phương pháp ước tính theo sản lượng tương đương trong đó giá trị sản phẩm dở dang đã hoàn thành ở mức độ 50% so với thành phẩm

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản phẩm dd} \\ \text{chưa hoàn thành} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị NVL chính nằm} \\ \text{trong sp dd} \end{array} + 50\% \begin{array}{l} \text{chi phí} \\ \text{chế biến} \end{array}$$

4. Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hoặc chi phí trực tiếp

Theo phương pháp này, trong giá trị sản phẩm dở dang chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hoặc chi phí trực tiếp (nguyên vật liệu và nhân công trực tiếp) mà không tính đến các chi phí khác

5. Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo chi phí định mức hoặc kế hoạch

Đối với các doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống định mức và dự toán chi phí cho từng loại sản phẩm thì doanh nghiệp có thể áp dụng phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất định mức

Theo phương pháp này, kế toán căn cứ vào khối lượng sản phẩm dở dang, mức độ hoàn thành của sản phẩm dở dang ở từng công đoạn sản xuất và định mức từng khoản mục chi phí ở từng công đoạn sản xuất để tính ra giá trị sản phẩm dở dang theo chi phí định mức.

Ngoài ra trên thực tế, người ta còn áp dụng các phương pháp khác để xác định giá trị sản phẩm dở dang như phương pháp thống kê kinh nghiệm, phương pháp tính theo chi phí nguyên vật liệu chính và vật liệu phụ nằm trong sản phẩm dở dang.

1.2.4.6. Phương pháp tính giá thành sản phẩm

1. Phương pháp tính giá thành giản đơn

Theo phương pháp này giá thành sản phẩm tính bằng cách căn cứ trực tiếp vào chi phí sản xuất đã tập hợp (theo từng đối tượng tập hợp chi phí) trong kỳ và giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ và sản phẩm dở dang cuối kỳ để tính ra giá thành theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá thành} & & \text{Giá trị sản} & & \text{Chi phí phát} & & \text{Giá trị sản} \\ \text{sản phẩm} & = & \text{phẩm dd đ.kỳ} & + & \text{sinh trong kỳ} & - & \text{phẩm dd c.kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} & & \text{Tổng giá thành sản phẩm} \\ \text{Giá thành đơn vị} & = & \frac{\text{-----}}{\text{-----}} \\ \text{sản phẩm} & & \text{Khối lượng sản phẩm hoàn thành} \end{array}$$

2. Phương pháp tổng cộng chi phí

Phương pháp tính giá thành này được áp dụng đối với các doanh nghiệp mà quá trình sản xuất sản phẩm được thực hiện ở nhiều bộ phận sản xuất, nhiều giai đoạn công nghệ, đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là các bộ phận, chi tiết sản phẩm hoặc giai đoạn công nghệ hay bộ phận sản xuất. Giá thành sản phẩm được xác định bằng cách cộng chi phí sản xuất của các bộ phận, chi tiết sản phẩm hay tổng chi phí sản xuất của các giai đoạn, bộ phận sản xuất tạo nên thành phẩm.

$$\text{Giá thành thành phẩm} = Z_1 + Z_2 + \dots + Z_n$$

Phương pháp tổng cộng chi phí được áp dụng phổ biến trong các doanh nghiệp khai thác, nhuộm, dệt.....

3. Phương pháp tính giá thành theo hệ số

Phương pháp hệ số được áp dụng trong những doanh nghiệp mà trong cùng một quá trình sản xuất cùng sử dụng một thứ nguyên liệu và một lượng lao động nhưng thu được đồng thời nhiều sản phẩm khác nhau và chi phí không hạch toán riêng cho từng loại sản phẩm được mà phải hạch toán chung cho cả quá trình sản xuất. Theo phương pháp này, trước hết kế toán căn cứ vào hệ số quy đổi để quy các loại sản phẩm về sản phẩm tiêu chuẩn (sản phẩm gốc)

$$\text{Số lượng sp tiêu chuẩn} = \sum \text{Số lượng sp sx thực tế của từng loại} \times \text{Hệ số tính giá thành của từng loại}$$

Từ đó, dựa vào tổng chi phí liên quan đến giá thành các loại sản phẩm để tập hợp để tính giá thành sản phẩm gốc và giá thành từng loại sản phẩm.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

$$\begin{array}{rccr} \text{Giá trị sp dd} & & \text{Tổng chi phí sx} & & \text{Giá trị sp dd} \\ \text{Đ.kỳ của} & & \text{phát sinh trong} & - & \text{C.kỳ của} \\ \text{nhóm sp} & + & \text{kỳ của nhóm sp} & & \text{nhóm sp} \end{array}$$

$$\text{Giá thành đơn vị sp gốc} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm gốc}}{\text{Giá trị sp dd Đ.kỳ của nhóm sp} + \text{Tổng chi phí sx phát sinh trong kỳ của nhóm sp} - \text{Giá trị sp dd C.kỳ của nhóm sp}}$$

4. Phương pháp tính giá thành theo tỷ lệ

Trong các doanh nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm có quy cách, chất lượng khác nhau như may mặc, dệt kim, đóng giày, cơ khí chế tạo... để giảm bớt khối lượng hạch toán, kế toán thường tiến hành tập hợp chi phí sản xuất theo nhóm sản phẩm cùng loại. Căn cứ vào tỷ lệ chi phí giữa chi phí sản xuất thực tế với chi phí sản xuất kế hoạch (hoặc định mức), kế toán sẽ tính ra giá thành đơn vị và tổng giá thành sản phẩm từng loại.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực tế} \\ \text{đơn vị sản phẩm} \\ \text{từng loại} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành kế hoạch} \\ \text{hoặc định mức đơn vị} \\ \text{thực tế sp từng loại} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ giữa chi phí thực tế so} \\ \text{với chi phí kế hoạch hoặc} \\ \text{định mức của tất cả các loại} \\ \text{sp} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ giữa cp} \\ \text{thực tế so với cp} \\ \text{kế hoạch hoặc} \\ \text{định mức của tất} \\ \text{cả các nhóm sp} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá trị sp} + \text{Tổng cp sx trong} - \text{Giá trị sp dd cuối} \\ \text{dd đ.kỳ} \quad \text{kỳ của nhóm} \quad \text{kỳ của nhóm sp} \end{array}}{\text{Tổng giá thành kế hoạch hoặc định mức của nhóm sp}}$$

5. Phương pháp đơn đặt hàng

Việc tính giá thành ở trong các doanh nghiệp này chỉ tiến hành khi đơn đặt hàng hoàn thành nên kỳ tính giá thành không thống nhất với kỳ báo cáo. Đối với những đơn đặt hàng đến kỳ báo cáo chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí tập hợp được theo đơn đó đều coi là sản phẩm dở dang cuối kỳ chuyển kỳ sau. Đối với những đơn đặt hàng đã hoàn thành thì tổng chi phí đã tập hợp được theo đơn đó chính là tổng giá thành sản phẩm của đơn vị và giá thành đơn vị sẽ tính bằng cách lấy tổng giá thành sản phẩm của đơn chia cho số lượng sản phẩm trong đơn.

6. Phương pháp phân bước

❖ Phương pháp tính giá thành phân bước có tính giá thành bán thành phẩm

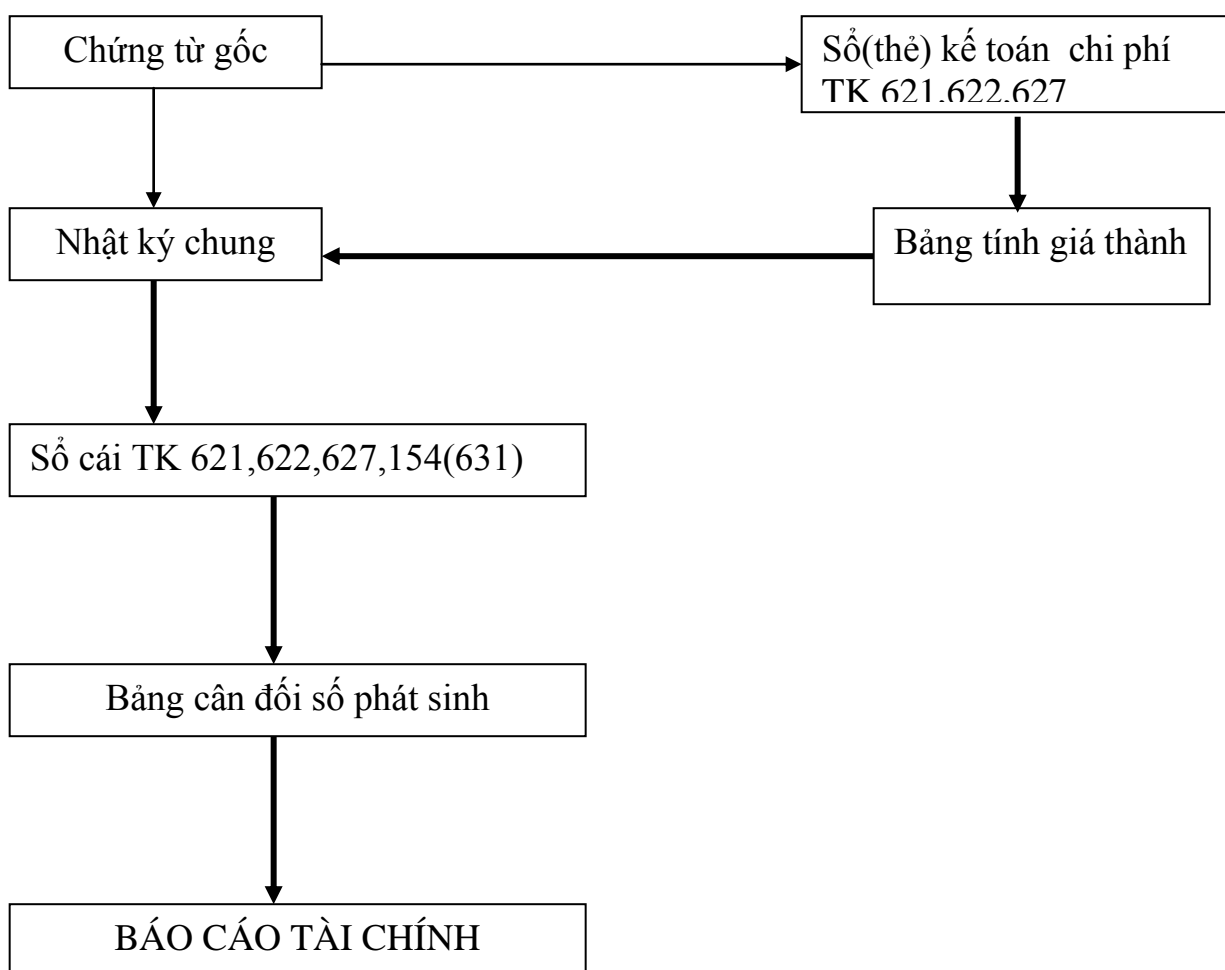
Phương pháp này thường được áp dụng ở các doanh nghiệp có yêu cầu hạch toán kinh tế nội bộ cao hoặc bán thành phẩm sản xuất ở các bước có thể dùng làm thành phẩm bán ra ngoài. Đặc điểm của phương pháp này là khi tập hợp chi phí sản xuất của các giai đoạn công nghệ, giá trị bán thành phẩm của các bước trước chuyển sang bước sau được tính theo giá thành thực tế và được phản ánh theo từng khoản mục chi phí và gọi là kết chuyển tuần tự

❖ Phương pháp tính giá thành phân bước không tính giá thành bán thành phẩm

Trong những doanh nghiệp mà yêu cầu hạch toán kinh tế nội bộ không cao hoặc bán thành phẩm chế biến ở từng bước không bán ra ngoài chi phí chế biến phát sinh trong các giai đoạn công nghệ được tính nhập vào giá thành thành phẩm một cách đồng thời, song song nên còn gọi là kết chuyển song song. Theo phương án này, kế toán không cần tính giá thành bán thành phẩm hoàn thành trong từng giai đoạn mà chỉ tính giá thành thành phẩm hoàn thành bằng cách tổng hợp chi phí nguyên vật liệu chính và các chi phí chế biến khác trong các giai đoạn công nghệ

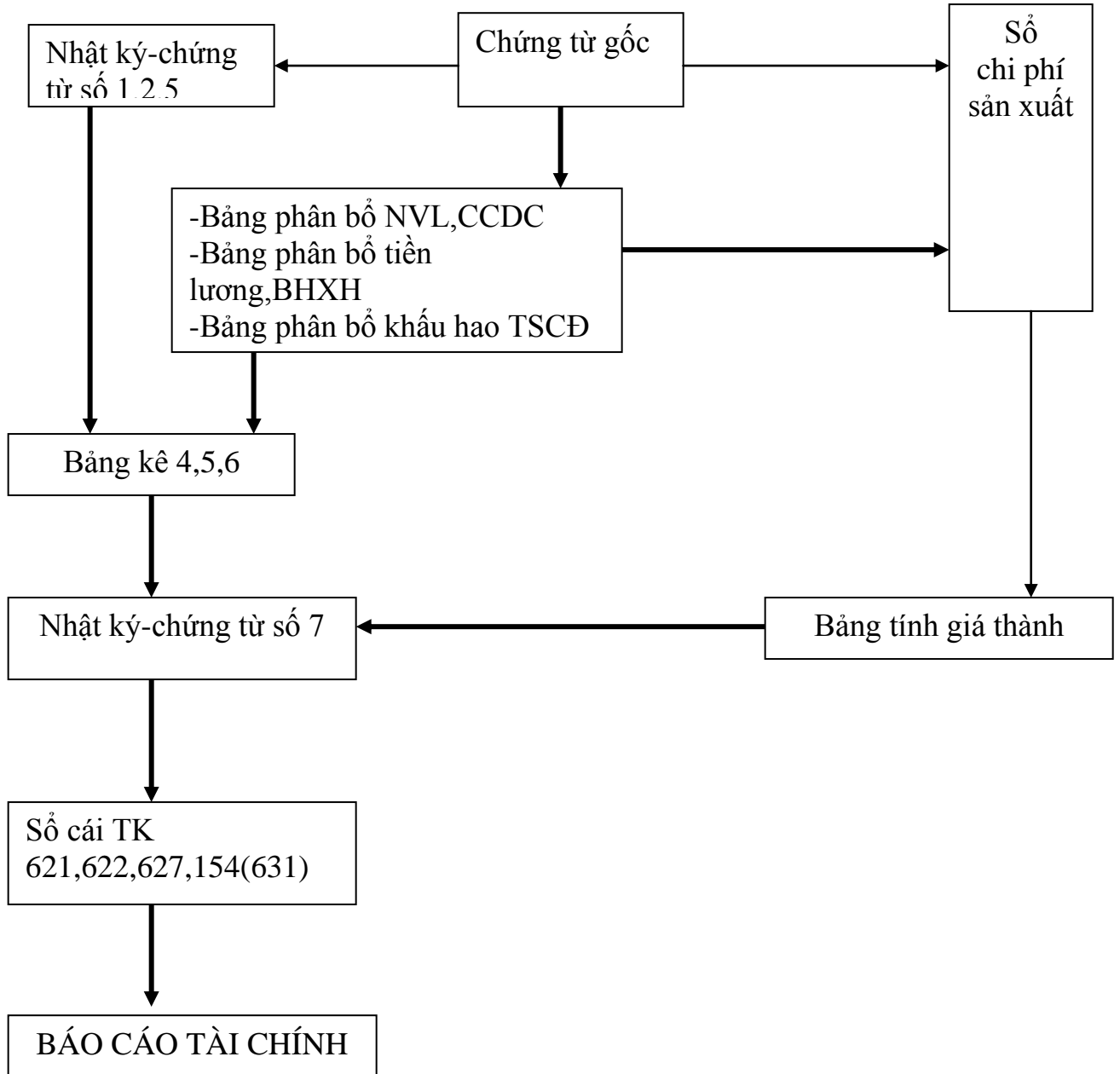
1.2.5. Đặc điểm kế toán chi phí sản xuất-giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán

1.Đặc điểm kế toán chi phí sản xuất-giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký chung

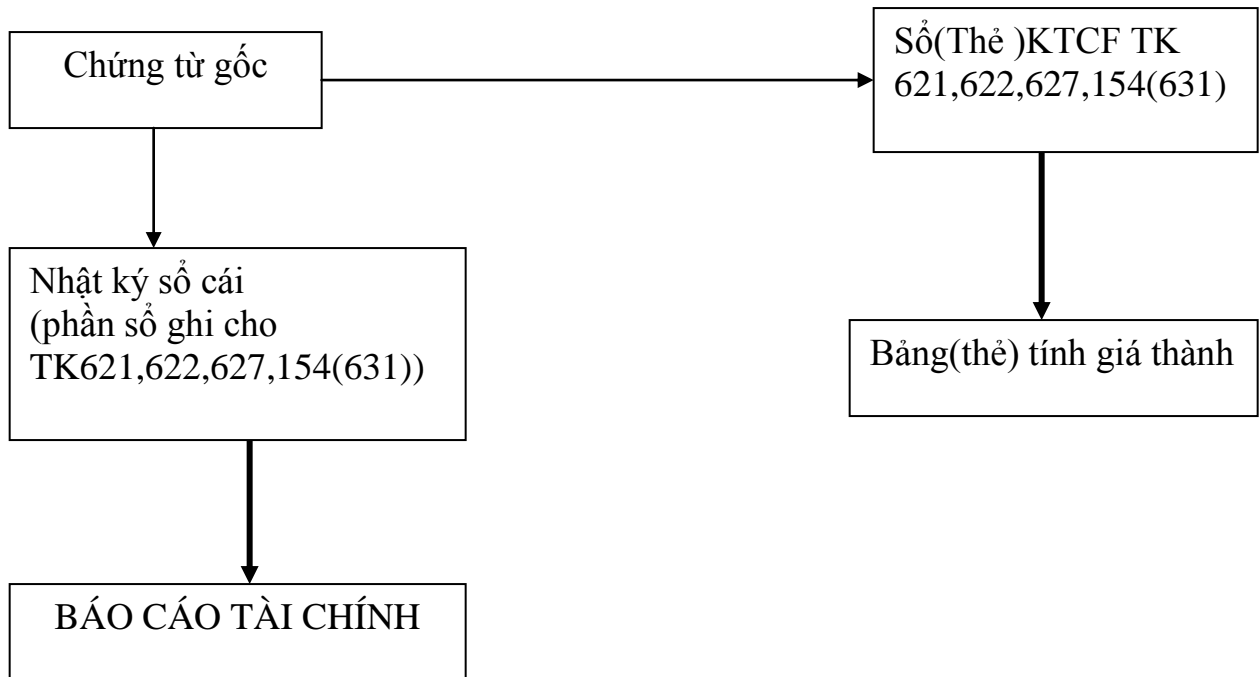


KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

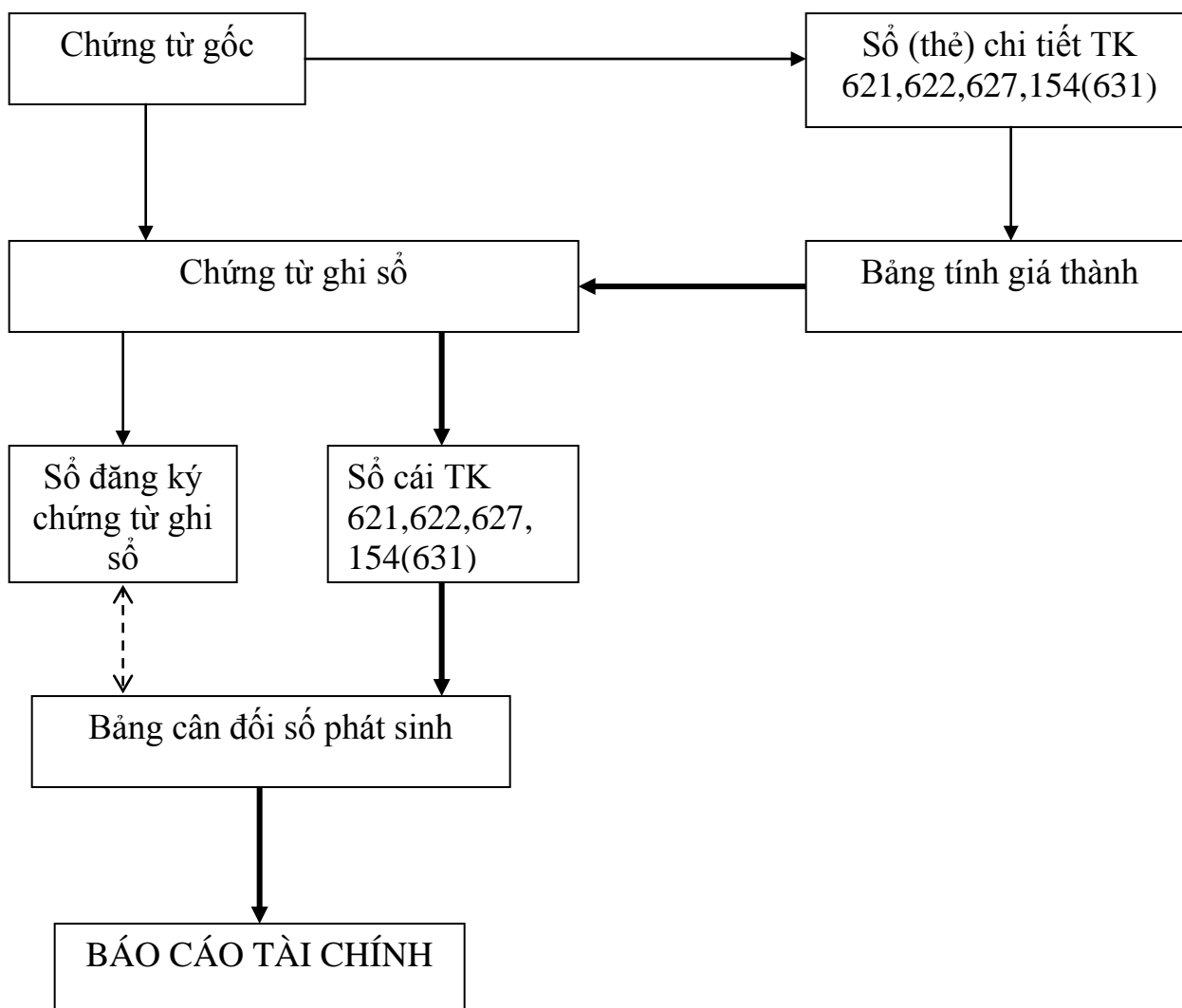
2. Đặc điểm kế toán chi phí sản xuất-giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký-chứng từ



3. Đặc điểm kế toán chi phí sản xuất-giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái

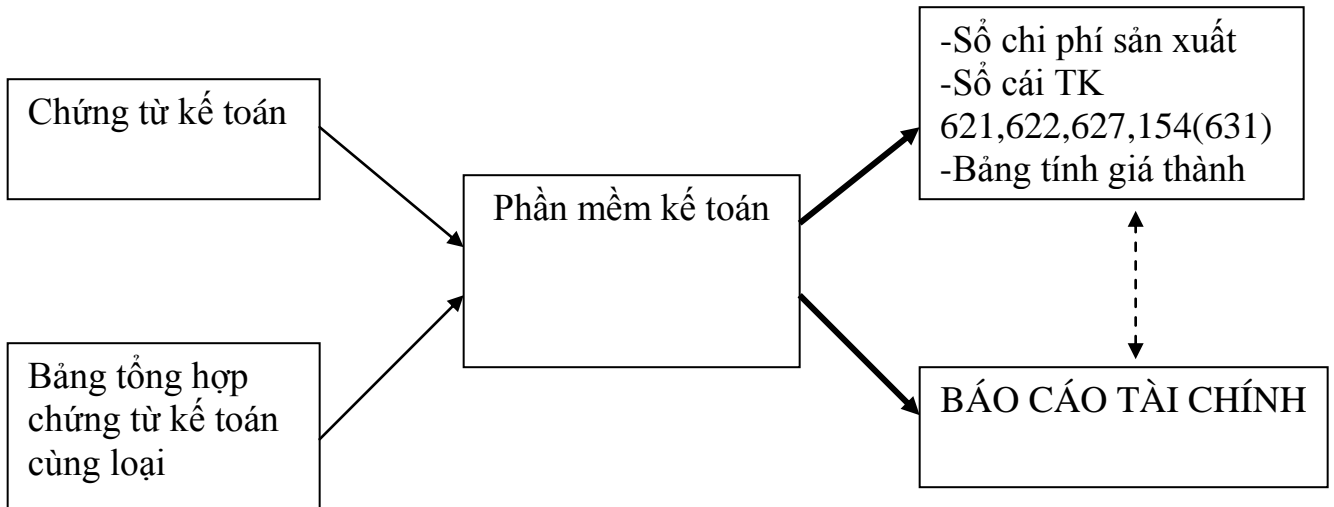




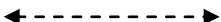
4. Đặc điểm kế toán chi phí sản xuất-giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

5. Đặc điểm kế toán chi phí sản xuất-giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán máy



-  :Ghi hàng ngày
-  :Ghi hàng tháng
-  :Đôi chiếu,kiểm tra

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH SX&TM SAO ĐỎ

2.1. Giới thiệu chung về công ty

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH SX&TM Sao Đỏ

- Công ty TNHH sản xuất và thương mại Sao Đỏ được thành lập vào ngày 25/9/2005

- Tên giao dịch của công ty:

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Sao Đỏ

- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

SAO DO MANUFACTURING AND TRADING COMPANY LIMITED

- Trụ sở giao dịch: Số 78 Vạn Kiếp-Thượng Lý-Hồng Bàng-Hải Phòng

- MST : 0200646249

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Sản xuất và kinh doanh thép xây dựng, vật liệu xây dựng, thép hình, thép tấm, thép lá, ống thép và phôi liệu kim loại

+ Kinh doanh thiết bị điện, vật liệu điện

+ Tư vấn thi công thiết kế thi công, lắp đặt hệ thống điện công nghiệp và dân dụng

+ Đại lý, mua bán, ký gửi hàng hoá

+ Vận tải hàng hoá bằng đường thuỷ và đường bộ

+ Kinh doanh bất động sản, ăn uống, nhà hàng, khách sạn.

2.1.2. Chức năng nhiệm vụ của Công ty TNHH SX&TM Sao Đỏ

Nhiệm vụ của Công ty là kinh doanh và sản xuất thép, cung cấp sắt thép cho các công trình xây dựng, công trình dân dụng có quy mô lớn, vừa và nhỏ. Là một công ty mới được thành lập nên bước đầu còn gặp nhiều khó khăn như:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

-Máy móc thiết bị còn thiếu nhiều và lạc hậu

-Trình độ tay nghề công nhân chưa thích ứng với quy mô công nghệ.

-Thị trường cạnh tranh rộng khi Hải Phòng có các nhà máy thép lớn khác:

Nhà máy thép Việt-Nhật, Nhà máy sản xuất thép Việt-Hàn.....

Nhờ sự cố gắng, nỗ lực, sự năng động trong điều hành sản xuất kinh doanh, nhờ nắm bắt kịp thời nhu cầu của thị trường, không ngừng cải tiến kỹ thuật sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm với nhiều loại sắt thép khác nhau như thép rút 1;1,2;2;3;4.....mm với khối lượng sản xuất tăng dần theo nhu cầu của thị trường. Tổng khối lượng sản xuất 2.000 tấn/năm. Cụ thể là:

-Thép rút 1 mm với khối lượng :200 tấn

-Thép rút 1,2 mm với khối lượng :200 tấn

-Thép rút 1,5 mm với khối lượng :100 tấn

-Thép rút 2 mm với khối lượng :300 tấn

-Thép rút 2,2 mm với khối lượng :500 tấn

-Thép rút 3 mm với khối lượng :200 tấn

.....

Trong năm 2010 Công ty đã sản xuất với khối lượng 2.100 tấn thép. Mọi loại thép rút đều được thị trường chấp nhận. Năm 2011, Doanh nghiệp dự kiến tăng sản lượng sản phẩm các loại lên 2.300 tấn thép nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường.

Với phương châm lấy uy tín và chất lượng sản phẩm làm thế mạnh. Công ty ngày càng khẳng định được thế mạnh của mình trên thị trường. Sản phẩm được thị trường chấp nhận. Đây là một chỉ tiêu quan trọng tạo bước đi vững chắc trên con đường phát triển và trở thành một trong những địa chỉ tin cậy của nhiều đơn vị trong khu vực về việc cung cấp sắt thép.

Công ty TNHH SX&TM Sao Đỏ được đặt trên khu vực Vạn Kiếp-Thượng Lý-Hồng Bàng-Hải Phòng. Đây là địa bàn được đánh giá là phát triển mạnh của

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

quận Hồng Bàng, cũng như thành phố Hải Phòng. Nơi đây thuận lợi cho việc giao dịch sản xuất kinh doanh cũng như nắm bắt kịp thời các thông tin kinh tế.

Mức thu nhập trung bình của công nhân viên trong công ty cũng tăng lên 3.000.000 đồng/tháng. Sản lượng, chất lượng sản phẩm Công ty sản xuất ra đều tăng lên rất nhiều so với trước đây.

Khi mới thành lập, tổng số vốn ban đầu của công ty để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh là: 13.000.000.000 đồng. Trong đó:

+Vốn pháp định	:	2.200.000.000
+Vốn lưu động	:	2.200.000.000
+Vốn khác	:	7.800.000.000

2.1.3. Đặc điểm quy trình công nghệ chế biến sản xuất thép rút của Công ty TNHH SX&TM Sao Đỏ:

Thép là mặt hàng kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp. Vì vậy mọi công tác chuẩn bị trước khi bán hàng hoặc được nhập kho phải được tiến hành một cách đầy đủ, từng bước từng khâu chế biến để đảm bảo chất lượng thông qua việc tiến hành kiểm tra chất lượng, phân loại. Quy trình công nghệ chế biến thép rút được tiến hành qua các giai đoạn như sau:

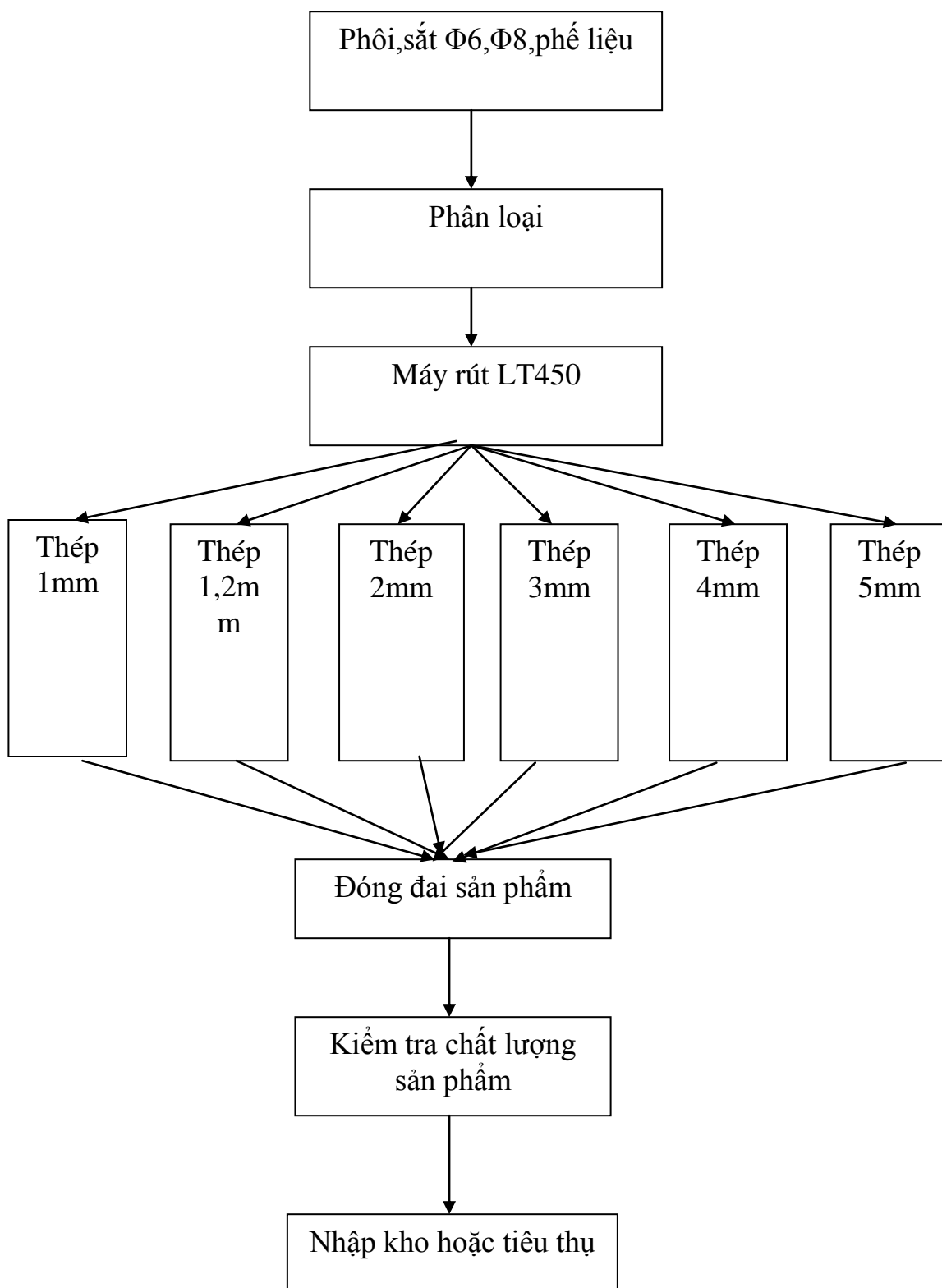
-Phôi hoặc thép cuộn $\Phi 6, \Phi 8$ trơn cho vào máy rút thép, trong quá trình rút thép sẽ loại bỏ những tạp chất.....

-Sau khi thép được nung tới nhiệt độ mềm thì chạy qua một khuôn có sẵn theo chủng loại, kích cỡ mà doanh nghiệp cần sản xuất ra.

-Khi sản xuất ra, thép sẽ được chạy qua một máy quấn sắt hình tròn và được công nhân buộc lại chắc chắn.

-Khi xuất bán thép, việc trước tiên là doanh nghiệp cho kiểm tra đã đúng chủng loại, chất lượng và số lượng cân đã đạt chưa....sau đó mới tiến hành giao cho khách hàng.

Quy trình gia công chế biến thép

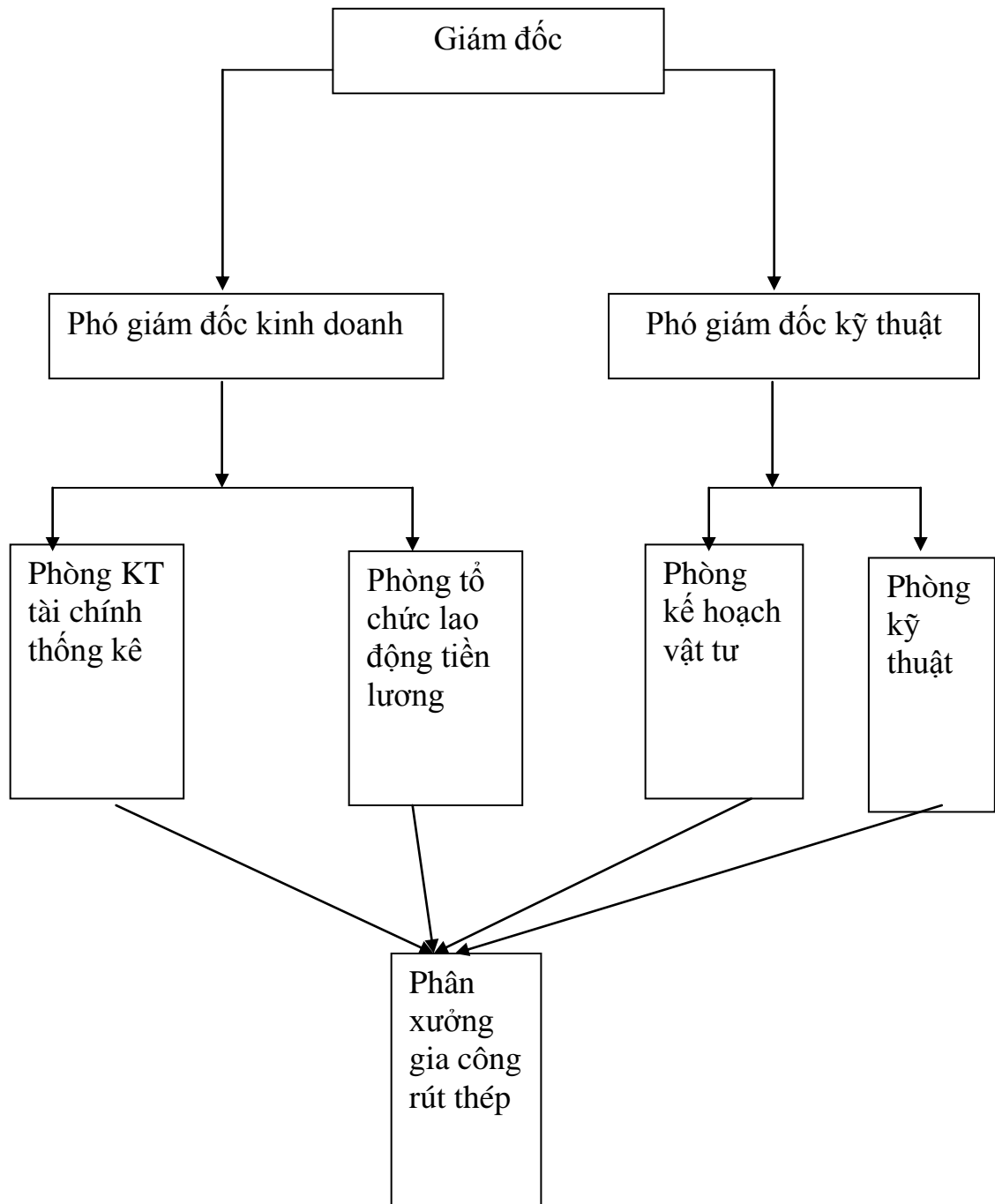


KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Công ty TNHH SX&TM Sao Đỏ là một Công ty mới thành lập được trong một thời gian ngắn với nhiều loại hình kinh doanh nhưng có một cơ cấu bộ máy tổ chức gọn nhẹ, tổ chức sản xuất phù hợp nên nhà máy đã đạt được hiệu quả cao

BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Giám đốc công ty:* Là người đứng đầu công ty phụ trách điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, có quyền quyết định các vấn đề quan trọng trong phạm vi Công ty, chịu trách nhiệm trước Nhà nước về sản xuất kinh doanh theo luật định.

**Quản lý cơ sở vật chất, kỹ thuật, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phục vụ cho nhiệm vụ của Công ty*

Phó Giám đốc: Do Giám đốc Công ty bổ nhiệm, có nhiệm vụ giúp đỡ giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực do Giám đốc phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về nhiệm vụ được phân công hoặc được uỷ quyền

**Các phòng bộ phận khác:*

-Phòng kế toán tài chính: Điều hoà phân phối vốn, tổ chức sử dụng vốn là nguồn kinh tế kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước. Phân phối thu nhập, tích lũy, tính toán và theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, phản ánh cụ thể các chi phí bỏ ra, tính toán kết quả lỗ lãi của đơn vị theo từng tháng, quý, năm.

Ngoài ra, phòng kế toán tài chính thống kê cũng phải thu thập, tổng hợp phân loại và xử lý thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh để cung cấp một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ phục vụ cho công tác quản lý của Công ty và từ đó giúp Giám đốc đưa ra các quyết định, mục tiêu, kế hoạch phát triển đúng đắn, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh tại Công ty nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong công tác quản lý.

-Phòng kỹ thuật: Chủ động xây dựng các chỉ tiêu và các định mức kỹ thuật, giám sát, kiểm tra chất lượng sản phẩm từ khâu cho sắt vào rút cho đến khi hoàn thành xuất giao. Luôn kiểm tra và thường xuyên sửa chữa, nâng cao máy móc thiết bị và luôn luôn học hỏi những quy trình công nghệ kỹ thuật hiện đại cao cho quy trình sản xuất phù hợp với sản phẩm doanh nghiệp tạo ra.

-Phòng tổ chức lao động tiền lương: Tổ chức tiền lương lao động của phân xưởng. Thường xuyên có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng lao động lành nghề,

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

nâng cao chất lượng lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm. Quản lý tốt, sử dụng đúng quỹ lương và áp dụng hình thức trả lương thích hợp để khuyến khích người lao động.

Như vậy các phòng chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu giúp đỡ Giám đốc trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình trong toàn doanh nghiệp.

Các phân xưởng, tổ đội sản xuất trực tiếp hoạt động sản xuất tạo sản phẩm cho doanh nghiệp.

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng đến nay Công ty TNHH SX&TM Sao Đỏ đã có một cơ sở vật chất ngày càng được nâng cao, sản xuất đã đi vào ổn định, chất lượng sản phẩm tốt. Đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực, đội ngũ công nhân lành nghề có trách nhiệm và nhiệt tình với công việc được giao.

***Chức năng nhiệm vụ Phòng Kế toán tài chính thống kê:**

Để thực hiện tốt chức năng của thông tin và chức năng kiểm tra, nhằm nhu nhận, xử lý và cung cấp đầy đủ thông tin, đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin cho các đối tượng sử dụng thông tin. Phòng kế toán tài chính thống kê cần phải thực hiện các chức năng nhiệm vụ sau đây:

- Tính toán ghi chép, phản ánh đầy đủ số liệu có, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật liệu, tiền vốn, quá trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng kinh phí của công ty.

- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh; kế hoạch thu chi tài chính, nộp, thanh, kiểm tra việc giữ gìn sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn, kinh phí, phát hiện ngăn ngừa kịp thời hành động lãng phí, tham ô, vi phạm chính sách, chế độ, kỷ luật kinh tế tài chính.

- Cung cấp các số liệu, tài liệu cho việc điều hành sản xuất kinh doanh, kiểm tra và phân tích hoạt động kinh tế tài chính, phục vụ công tác lập và theo dõi thực hiện kế hoạch, phục vụ cho công tác thống kê và thông tin kinh tế.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Phòng kế toán có nhiệm vụ điều hoà, phân phối, tổ chức sử dụng vốn và nguồn vốn để kinh doanh.

Thực hiện đầy đủ đối với Ngân sách Nhà nước.

Phân phối thu nhập, theo dõi hoạt động kinh doanh của công tu dưới hình thức vốn tiền tệ và tính toán các khoản lãi lỗ.

Thu thập, tổng hợp và phân loại xử lý các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm phục vụ cho công tác quản lý.

Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch, tình hình sử dụng vốn, vật tư lao động, lập kế hoạch tài chính.....Nhằm giúp Giám đốc đưa ra các đường lối, mục tiêu, kế hoạch phát triển phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.1.5. Tình hình chung về kế toán công ty

**Cơ cấu bộ máy kế toán tại Công ty*

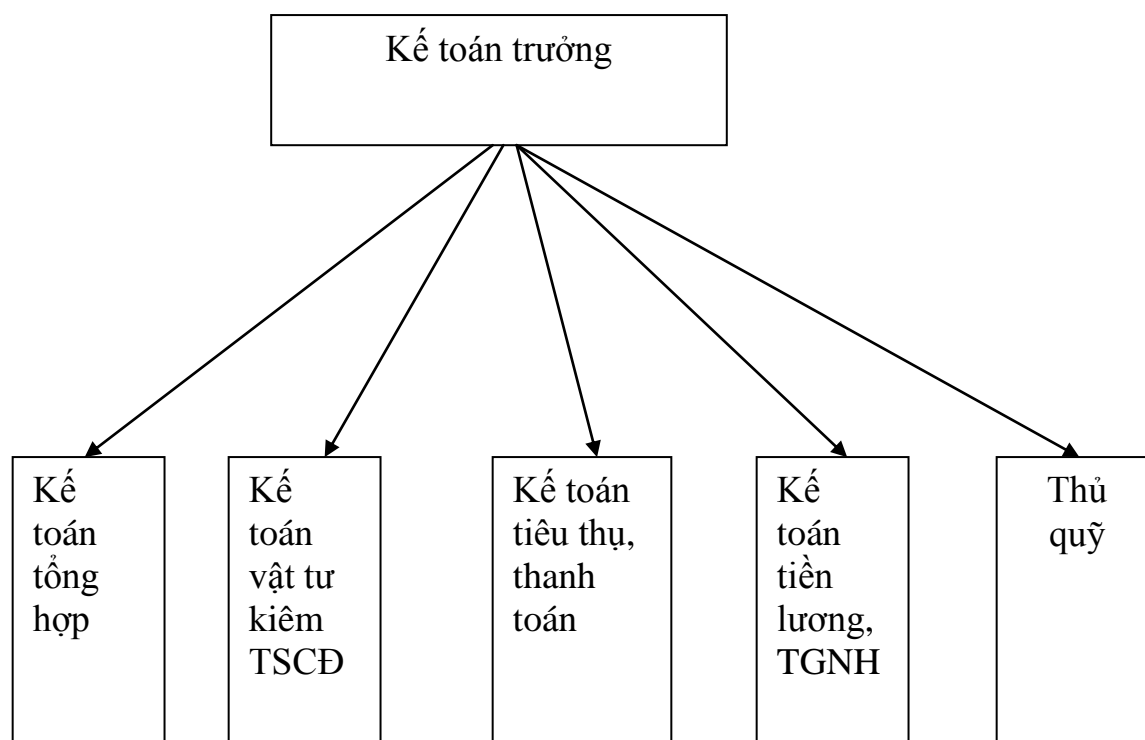
Xuất phát từ đặc điểm, yêu cầu và tình hình thực hiện bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo tình hình tập trung. Do kế toán là một phần cấu thành quan trọng của hệ thống quản lý kinh tế tài chính, có vai trò tích cực trong việc điều hành và kiểm soát hoạt động kinh tế. Kế toán cung cấp các thông tin kinh tế tài chính hiện thực có giá trị pháp lý, có độ tin cậy cao, giúp doanh nghiệp trên có sở đó ra các quyết định cho phù hợp, đảm bảo cho việc thu nhận thông tin được đầy đủ, nhanh chóng kịp thời.

Tổ chức bộ máy kế toán trong doanh nghiệp là việc sắp xếp các cán bộ kế toán nhằm đảm bảo thực hiện công tác kế toán của đơn vị trên cơ sở trang thiết bị hiện có của doanh nghiệp. Tổ chức bộ máy kế toán phải căn cứ vào quy mô và địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, số lượng và trình độ của đội ngũ kế toán trong doanh nghiệp. Việc lựa chọn mô hình tổ chức trong doanh nghiệp nhằm cung cấp đầy đủ kịp thời, chính xác các thông tin kế toán cho các đối tượng sử dụng thông tin kế toán phục vụ hữu hiệu cho công tác quản lý.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tổ chức bộ máy kế toán phải đảm bảo thực hiện được sự chỉ đạo toàn diện tập trung, thống nhất công tác kế toán, thống kê thông tin kinh tế trong doanh nghiệp của kế toán trưởng.

CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY



**Bộ phận kế toán văn phòng của Công ty bao gồm:*

-*Kế toán trưởng*: Chỉ đạo bộ máy kế toán từ việc ghi chép chứng từ ban đầu đến việc sử dụng các sổ sách kế toán do Nhà nước ban hành. Kế toán trưởng giúp Giám đốc về chuyên môn của bộ phận Kế toán, chịu trách nhiệm trước cấp trên về chuyện chấp hành luật pháp, thể chế, chế độ tài chính hiện hành... nghiên cứu vấn đề huy động và sử dụng vốn.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

-Kế toán tổng hợp: Có nhiệm vụ tổng hợp chứng từ phát sinh, tổng hợp toàn bộ số liệu tài chính một cách chính xác và hợp lý của từng bộ phận để lập báo cáo với khách hàng và báo cáo tài chính định kỳ.

-Kế toán vật tư: Có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm vật tư, tính giá nguyên liệu xuất kho, viết phiếu nhập vật tư.

-Kế toán tài sản cố định: Có nhiệm vụ tổng hợp phân bổ cho phí phát sinh và tính giá thành sản phẩm theo dõi ghi chép tình hình tăng giảm TSCĐ, tính khấu hao và phân bổ khấu hao TSCĐ. Tổng hợp số liệu tài chính kinh tế của Công ty để lập báo cáo kế toán theo định kỳ quy định của công ty.

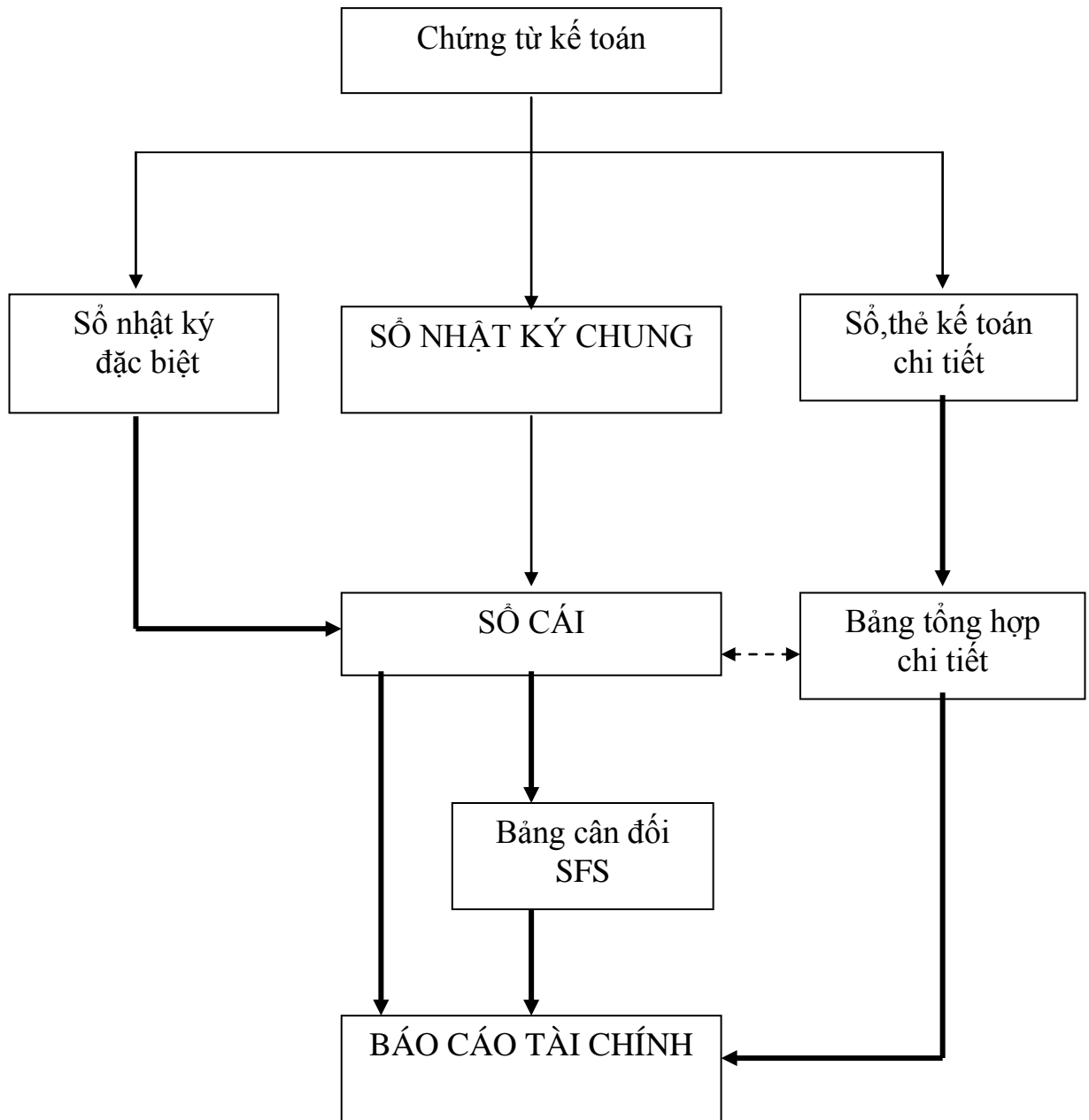
-Kế toán tiêu thụ, thanh toán: Dựa vào tình hình thực tế bán hàng kế toán phải xác định số lượng hàng hoá bán ra bao nhiêu, số lượng tồn kho là bao nhiêu, nhiều hay ít để có kế hoạch kịp thời điều chỉnh tránh tồn đọng trong kho nhiều làm tăng chi phí trông coi, bảo quản. Đồng thời theo dõi các khoản phải thu, phải trả một cách chặt chẽ.

-Thủ quỹ : Có nhiệm vụ giữ tiền mặt của Công ty đồng thời theo dõi chặt chẽ các khoản thanh toán bằng tiền mặt, ngân phiếu đối chiếu với nội bộ trong Công ty cũng như các khoản thanh toán với khách hàng

***Hình thức tổ chức và nội dung công tác kế toán tại Công ty:**

Hình thức kế toán Công ty đang áp dụng là Nhật ký chung có thể mô tả trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung như sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC NHẬT KÝ CHUNG



- > :Ghi hàng ngày
- > :Ghi định kỳ
- ←- - - -> :Đối chiếu, kiểm tra

***Nội dung kế toán cơ bản:**

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ
- Phương pháp tính giá xuất vật tư hàng hóa: Áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.
- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: Áp dụng phương pháp khấu hao đều
- Phương pháp tính trả lương: Áp dụng hình thức trả lương sản phẩm

2.2. Thực tế tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm

2.2.1. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại công ty TNHH SX&TM Sao Đỏ

2.2.1.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất của Công ty TNHH SX&TM Sao Đỏ là phân xưởng sản xuất. Kế toán dùng phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp đối với tất cả các loại chi phí. Việc tập hợp chi phí sản xuất được tiến hành theo các khoản mục sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sản xuất chung.

2.2.1.2. Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

❖ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm chi phí về nguyên liệu, vật liệu như: thép cuộn $\Phi 6$, $\Phi 8$ để sản xuất ra thép rút $\Phi 1, \Phi 2, \Phi 3, \Phi 4, \Phi 5$ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỉ trọng khoảng 80% trong tổng giá thành sản xuất do đó việc quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu có ý nghĩa hết sức quan trọng trong công tác quản lý chi phí và hạ giá thành sản phẩm.

Định mức hao hụt nguyên vật liệu là 3%. Có nghĩa cứ 103kg vật liệu thì sản xuất được 100kg thành phẩm

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Khi mua nguyên vật liệu, phòng vật tư nhập kho được làm thành 3 Liên :

Liên 1: Lưu tại phòng vật tư.

Liên 2: Đưa cho người bán làm thủ tục thanh toán

Liên 3: Thủ kho giữ lại vào thẻ kho (ghi số lượng). Định kỳ gửi lên cho phòng kế toán ghi sổ chi tiết vật liệu theo từng loại vật liệu.

Giá thực tế nguyên vật liệu, hàng hoá mua vào được tính theo giá gốc như sau:

Trị giá hàng mua vào		Trị giá thực tế ghi trên hóa đơn	+	CF thực phát sinh	+	mua tế + thuế được hoàn lại	-	Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua được hưởng
-------------------------	--	--	---	----------------------	---	-----------------------------------	---	--

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh, nhu cầu sản xuất thực tế và định mức tiêu hao vật liệu, cán bộ phòng kỹ thuật ghi danh mục vật liệu cần lĩnh cụ thể về số lượng cụ thể, quy cách phẩm chất cho từng phân xưởng. Sau đó danh mục này được chuyển sang phòng vật tư để làm thủ tục xuất kho nguyên vật liệu. Phiếu xuất kho do phòng vật tư lập làm 3 liên. Liên 1 được lưu ở phòng Vật tư, 2 Liên còn lại chuyển xuống kho. Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho đồng thời kiểm tra vật tư tồn kho để giao vật tư cho người nhận rồi ghi vào cột thực xuất và ký tên trên phiếu xuất kho. Liên 3 thủ kho giữ lại và gửi liên 2 cho phòng kế toán để làm căn cứ vào SNKC, Sổ Cái TK. Cuối kỳ, kế toán lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật tư, bảng kê tính giá thực tế vật liệu, bảng phân bổ vật tư tiêu hao.

Trị giá nguyên vật liệu thực tế xuất dùng được doanh nghiệp tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ được tính như sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

$$\text{Đơn giá NVL xuất dùng} = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng thực tế tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}$$

c/Chứng từ kế toán sử dụng

- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01GTKT- 3LL)
- Phiếu nhập kho (Mẫu 01- VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02- VT)
- Các chứng từ khác có liên quan (Báo cáo vật tư tồn kho

d/Tài khoản sử dụng

- TK611:Mua hàng
- TK 156:Hàng hoá

*Quy trình luân chuyển chứng từ:

- Căn cứ vào lệnh xuất kho, kế toán sẽ lập phiếu xuất kho. Trong phiếu xuất kho, kế toán chỉ được phản số lượng NVL, HH xuất kho chứ không được phản ánh đơn giá xuất. Chỉ đến cuối kỳ(ngày 31/10/2010) sau khi tính xong đơn giá xuất NVL, HH thì kế toán mới được điền đơn giá xuất kho NVL vào phiếu Xuất kho
- Từ phiếu xuất kho kế toán sẽ phản ánh đồng thời vào sổ NKC và sổ chi tiết TK611. Từ Sổ NKC kế toán sẽ vào Sổ cái TK 611
- Căn cứ vào Sổ chi tiết TK611 kế toán sẽ vào Bảng tổng hợp chi tiết Nguyên vật liệu, hàng hoá.
- Từ Sổ cái TK 611 và vào Bảng tổng hợp chi tiết Nguyên vật liệu,hàng hoá thì kế toán sẽ lập nên Bảng CĐSFS và các BCTC

Ví dụ: Ngày 5/10/2010 mua 20.000kg thép Φ6,Φ8 cho phân xưởng sản xuất

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH SX & TM Sao Đỏ

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 05 tháng 10 năm 2010

Nợ:611

Có:331

Số:120

-Họ tên người giao:Trần Bích Vân

-Nhập tại kho: Địa điểm: Hồng Bàng-Hải Phòng

ST T	Tên nhãn hiệu quy cách,phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
1	Thép Φ6,Φ8	TH	kg		20.000	13.272,72	265.454.545
	Cộng	x	x	x	x	x	265.454.545

Tổng số tiền(viết bằng chữ): Hai trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm lăm mươi bốn nghìn đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo: 1

Người lập
phiếu

Người giao
hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ: Ngày 06/10/2010 xuất 15.000kg thép Φ6,Φ8 cho phân xưởng sản xuất

Công ty TNHH SX & TM Sao Đỏ

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 6 tháng 10 năm 2010

Số: 121

-Họ và tên người nhận: Phạm Thành Vinh. Bộ Phận:Sản xuất

-Lý do xuất kho: giao cho PXSX

Xuất tại kho: Địa điểm:Hồng Bàng-HP

STT	Tên nhãn hiệu quy cách,phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Xuất Thép Φ6,Φ8 vào sx	TH	kg		15.000		
	Cộng	x	x	x	x	x	

-Tổng số tiền(viết bằng chữ):

-Số chứng từ gốc kèm theo: 1

**Người lập
phiếu**
(Đã ký)

**Người nhận
hàng**
(Đã ký)

Thủ kho
(Đã ký)

**Kế toán
trưởng**
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Cuối tháng 10/2010 sau khi kiểm kê kho, kế toán tính được khối lượng thành phẩm là: 180.669kg.

-Số nguyên vật liệu xuất dùng là: 186.089,07kg. Trong đó

+Số NVL tồn đầu kỳ là: 62.49,07kg với đơn giá 13.252,33đồng/kg

+Trị giá NVL nhập kho trong tháng 12 : 1.609.930.903đồng

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá NVL} &= \frac{(62.495 \times 13.252,33) + 1.609.930.903}{62.495,07 + 123.594} = 13.102\text{đ/kg} \\ \text{xuất dùng} & \end{aligned}$$

====> Trị giá NVL xuất dùng để sx trong tháng 12:

$$13.102 \times 186.089,07 = 2.438.138.995 \text{ đồng}$$

Kế toán tập hợp chi phí:

Nợ TK 631: 2.438.138.995

Có TK 611: 2.438.138.995

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH SX &TM Sao Đỏ

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang	
.....
5/10	PNK120	5/10	Mua Thép Φ6,Φ8 về nhập kho	611	265.454.545	
5/10	PNK120	5/10	Mua Thép Φ6,Φ8 về nhập kho	331		265.454.545
5/10	PNK120	5/10	Mua Thép Φ6,Φ8 về nhập kho	133	26.545.454	
5/10	PNK120	5/10	Mua Thép Φ6,Φ8 về nhập kho	331		26.545.454
.....			
31/10	PXK121	31/10	Xuất Thép Φ6,Φ8 vào sản xuất tháng 10	631	2.438.138.995	
31/10	PXK121	31/10	Xuất Thép Φ6,Φ8 vào sản xuất tháng 10	611		2.438.138.995
...	
			Cộng chuyển sang trang sau	

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký)

2.2.1.3. Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm lương và các khoản trích theo lương: BHXH, BHYT, BHTN theo quy định như sau:

- BHXH được tính bằng 22% tổng quỹ lương:
 - +16% tính vào chi phí sản xuất kinh doanh
 - +6% trừ vào lương của người lao động
- BHYT được tính bằng 4,5% tổng quỹ lương
 - +3% tính vào chi phí sản xuất kinh doanh
 - +1,5% trừ vào lương của người lao động
- BHTN được tính bằng 2% tổng quỹ lương
 - +1% tính vào chi phí sản xuất kinh doanh
 - +1% trừ vào lương của người lao động

Chi phí này chiếm khoảng 5-7% tổng chi phí sản xuất

DN không trích KPCĐ

Hiện nay Công ty TNHH SX&TM Sao Đỏ tiến hành áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm

Lương sản phẩm là hình thức tiền lương tính theo khối lượng sản phẩm công việc đã hoàn thành, đảm bảo yêu cầu chất lượng quy định và đơn giá tiền lương tính cho 1 đơn vị sản phẩm

$$\begin{array}{l} \text{Lương} \\ \text{sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{hoàn thành} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá lương cho một} \\ \text{đơn vị sản phẩm} \end{array}$$

Trong đó đơn giá lương cho 1 đơn vị sản phẩm(1kg thành phẩm) là : 350đồng

Theo đó ta có tiền lương sản phẩm của 1 công nhân sản xuất được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Lương sp của} \\ \text{1 CNSX} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Lương sản phẩm} \\ \text{Tổng số công lđ của phân xưởng sx} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{số công thực} \\ \text{tế của 1 lao} \\ \text{động} \end{array}} \times$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tiền lương phải trả cho 1 công nhân=Lương sp của 1 CNSX+ phụ cấp ăn ca
Thông thường căn cứ để trích các khoản theo lương được tính như sau:

mức lương tối thiểu*hệ số lương

Song do Công ty TNHH SX&TM Sao Đỏ áp dụng hình thức trả lương sản phẩm nên căn cứ để trích BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động lại tùy vào mức BHXH mà DN mua cho NLĐ. Mức BHXH hiện tại mà DN mua cho người lao động là 1.000.000-1.200.000đồng/người/tháng

***Chứng từ sử dụng:**

- Bảng chấm công(Mẫu số 01a – LĐTL)
- Bảng thanh toán lương(Mẫu số 02 – LĐTL)
- Bảng kê trích nộp các khoản trích theo lương (Mẫu số 10 – LĐTL)
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH(Mẫu số 11 – LĐTL)

***Tài khoản sử dụng:**

- TK 334: Phải trả công nhân viên
- TK 338: Các khoản phải trả, phải nộp khác
- Các tài khoản khác có liên quan.....

***Quy trình luân chuyển chứng từ:**

- Căn cứ vào Bảng chấm công thực tế,kế toán lập Bảng thanh toán tiền lương.
- Căn cứ vào Bảng thanh toán tiền lương,kế toán vào Bảng tính các khoản trích theo lương, sổ Nhật ký chung, Bảng tổng hợp phân bổ tiền lương. Từ Bảng tổng hợp phân bổ tiền lương kế toán sẽ vào sổ chi tiết TK334,338,641,642
- Hàng tháng căn cứ vào sổ Nhật ký chung,kế toán sẽ vào sổ chi tiết các TK334,338,641,642

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

-Cuối quý, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ cái và các chứng từ khác, kế toán vào Bảng cân đối số phát sinh, từ Bảng cân đối số phát sinh để vào các Báo cáo tài chính.

Ví dụ: Tính tiền lương phải trả, các khoản trích theo lương của công nhân Nguyễn Xuân Dương

-Số ngày công thực tế của anh Nguyễn Xuân Dương là: 29 công

-Số lượng thành phẩm hoàn thành trong tháng 10 của PXSX: 180.669kg

-Tổng số công của PXSX :554 công

Theo cách tính lương như trên ta có:

=>Lương sản phẩm của PXSX=180.669 x 350 = 63.234.150đồng

Tính ra tiền lương sản phẩm phải trả cho anh Nguyễn Xuân Dương là:

$$\frac{63.234.150}{554} \times 29 = 3.310.091\text{đồng}$$

Ngoài tiền lương sản phẩm, anh Dương còn được nhận thêm phụ cấp ăn ca là:540.000đồng/tháng

=>Tiền lương thực tế: 3.310.091 + 540.000 = 3.850.091đồng

Công ty áp dụng mức BHXH 1.200.000đồng/tháng cho anh Dương.Theo đó các khoản trích theo lương mà anh Dương phải nộp:

-Trích BHXH = 1.200.000 x 6% = 72.000đồng

-Trích BHYT = 1.200.000 x 1,5% = 18.000đồng

-Trích BHTN = 1.200.000 x 1% = 12.000đồng

=>Các khoản trích theo lương mà anh Dương phải nộp:

$$72.000 + 18.000 + 12.000 = 102.000\text{đồng}$$

=>Thực lĩnh = 3.850.091 - 102.000 = 3.748.091đồng

*Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp tại phân xưởng sản xuất:

-Căn cứ vào Bảng chấm công, Bảng thanh toán lương và Bảng các khoản trích theo lương. Kế toán ghi:

Tính lương phải trả cho bộ phận SX:

Nợ TK 631: 73.494.150

Có TK 334: 73.494.150

Các khoản trích theo lương:

Nợ TK 631 : 1.280.000

Nợ TK 334 : 544.000

Có TK 338: 1.824.000

Trong đó 3382:192.000

 3383:1.024.000

 3388:64.000

Trả lương tháng 10 cho NV bằng TM:

Nợ TK 334: 72.950.150

Có TK 111: 72.950.150

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH SX & TM Sao Đỏ

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang	
.....
31/10	BCCT10	31/10	-Phải trả lương cho CBVP	6422	57.700.000	
31/10	BCCT10	31/10	Phải trả lương cho BP BH	6421	52.600.000	
31/10	BCCT10	31/10	Phải trả lương cho CNSX	631	73.494.150	
31/10	BCCT10	31/10	Tính lương phải trả	334		183.797.150
31/10	BCCT10	31/10	Trích các khoản theo lương	6422	1.181.500	
31/10	BCCT10	31/10	Trích các khoản theo lương	6421	1.190.000	
31/10	BCCT10	31/10	Trích các khoản theo lương	631	544.000	
31/10	BCCT10	31/10	Trích các khoản theo lương	334	2.058.000	
31/10	BCCT10	31/10	Trích các khoản theo lương	338		2.915.500
31/10	BCCT10	31/10	Chi TM trả lương T12	334	180.878.650	
31/10	BCCT10	31/10	Chi TM trả lương T12	111		180.878.650
.....						
			Cộng chuyển sang trang sau	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.2.1.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là những chi phí còn lại cần để sản xuất sản phẩm sau chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp. Đây là những chi phí phát sinh trong phạm vi phân xưởng, bộ phận sản xuất của công ty.

*Chứng từ sử dụng

-Hoá đơn GTGT, Hoá đơn bán hàng.....

*Chi phí sản xuất chung trong Công ty TNHH SX& TM Sao Đỏ bao gồm:

-Chi phí khấu hao tài sản cố định

-Chi phí dịch vụ mua ngoài

-Chi phí bằng tiền khác

- Chi phí công cụ dụng cụ dùng cho bộ phận sản xuất bao gồm: khuôn kéo rút, bột rút, thuốc đánh bóng, vôi củ, kim, kéo..... Chi phí này được tính dựa vào định mức do kế toán xây dựng sẵn như sau:

STT	Vật tư	Đơn vị tính	100.000kg SP
			Số lượng
1	Khuôn to	kg	3
2	Khuôn nhỏ	kg	3
3	Kim doa côn	cái	40
4	Xà phòng rút	kg	40
5	Vôi củ	Tạ	2
6	Lá đồng kẹp máy	kg	3
7	Axit béo	kg	40

Cuối kỳ sau khi tính được số thành phẩm hoàn thành, kế toán tính đc trị giá CF:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

STT	Vật tư	Đơn vị tính	100.000kg SP	180.669 kg sản phẩm		
			Số lượng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Khuôn to	kg	3	4,42	1.575.000	6.961.500
2	Khuôn nhỏ	kg	3	4.2	1.680.000	7.056.000
3	Kim doa côn	cái	40	72.26	10.000	722.600
4	Xà phòng rút	kg	40	72.26	35.000	2.529.100
5	Vôi củ	Tạ	2	3.61	30.000	189.300
6	Lá đồng kẹp máy	kg	3	5.42	280.000	1.517.600
7	Axit béo	kg	40	72.26	26.000	1.878.760
		Tổng				20.854.860

Sau đó kế toán hạch toán:

Nợ TK 631: 20.854.860

Có TK 111: 20.854.860

- Chi phí khấu hao Tài sản cố định: Những tài sản cố định dùng cho bộ phận sản xuất bao gồm: Máy kéo dây, máy cắt sắt GQ40, Máy biến tần 18,5kw...

*Chứng từ sử dụng: Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ

*TK sử dụng :TK 214-Hao mòn tài sản cố định

Tài sản cố định của công ty được quản lý theo đơn vị sử dụng nên việc tính khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phân xưởng sản xuất và tập hợp trực tiếp cho phân xưởng đó. Đối với những máy móc đang sử dụng nhưng đã qua hết khấu hao thì không tiến hành trích khấu hao nữa. Với những máy móc thiết bị đang sử dụng, công ty đang áp dụng tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Khấu hao cơ bản được tính theo phương pháp khấu hao đều. Theo phương pháp này thì kế toán tính mức khấu hao bình quân cả năm sau đó chia cho 12 tháng.

$$\text{Mức KH tháng} = \frac{\text{Mức KH bình quân năm}}{12\text{tháng}}$$

$$\text{Mức KH bq năm} = \frac{\text{Số năm sử dụng}}{\text{Nguyên giá}}$$

Để theo dõi chi phí kế toán sử dụng TK 214

Trích khấu hao TSCĐ ở BPSX tháng 10/2010 như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nợ TK 631:} \quad \frac{163.638.167}{12} = 13.636.513,92 \\ \text{Có TK 214:} \quad \quad \quad 13.636.513,92 \end{array}$$

➤ Chi phí dịch vụ mua ngoài:

Công ty TNHH SX&TM Sao Đỏ có các chi phí dịch vụ mua ngoài như tiền điện,... Công ty tính riêng chi phí về dịch vụ mua ngoài cho từng bộ phận do tại công ty có các công tơ điện được lắp đặt riêng cho từng bộ phận. Việc tính chi phí dịch vụ mua ngoài được tính dựa trên các chứng từ như hoá đơn thanh toán tiền điện, nước.....

Ví dụ: Ngày 31/10/2010 chi tiền mặt thanh toán tiền điện dùng cho phân xưởng sản xuất số tiền: 18.493.574 đồng.

- Căn cứ vào hoá đơn thanh toán tiền điện KT hạch toán:

$$\begin{array}{l} \text{Nợ TK 631} \quad \quad \quad : 16.812.340 \\ \text{Nợ TK 133:} \quad \quad \quad : 1.681.234 \\ \text{Có TK 111} \quad : 18.493.574 \end{array}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

***Chi phí bằng tiền khác**

Chi phí bằng tiền là các khoản chi phí ngoài các khoản đã nêu trên phát sinh trực tiếp ở phân xưởng sản xuất: chi phí giao dịch, chi phí bảo dưỡng máy.....Kế toán căn cứ vào HĐGTGT để tập hợp chi phí

Ví dụ: Ngày 20/10/2010 xuất tiền mặt mua quần áo BHLĐ phục vụ bộ phận sx

Căn cứ vào HĐGTGT, kế toán định khoản:

Nợ TK 631: 8.866.000

Nợ TK 133: 886.600

Có TK 111: 9.752.600

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.2.1.5. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất

Cuối tháng kế toán tổng hợp toàn bộ chi phí sản xuất của công ty đã tập hợp được theo từng khoản mục chi phí để tiến hành tính giá thành sản phẩm hoàn thành và giao cho khách hàng

Công ty TNHH SX & TM Sao Đỏ

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang	
.....
			Chi phí NVL TT	631	2.438.138.995	
			Chi phí NVL TT	611		2.438.138.995
			Chi phí NCTT	631	73.494.150	
			Chi phí NCTT	334		73.494.150
			Chi phí NCTT	631	1.280.000	
			Chi phí NCTT	338		1.280.000
			Chi TM cho BPSX	631	46.533.200	
			Chi TM cho BPSX	111		46.533.200
			KHTSCĐ ở bpsx	631	13.636.513,92	
			KHTSCĐ ở bpsx	214		13.636.513,92
			Cộng chuyển sang trang sau	

Công ty TNHH SX &TM Sao Đỏ không có sản phẩm dở dang cuối kỳ

2.2.3. Kế toán giá thành tại công ty TNHH SX&TM Sao Đỏ

Tính giá thành sản phẩm là khâu cuối cùng của hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm với mục đích cơ bản là cung cấp các thông tin đúng đắn cho các nhà quản lý ra các quyết định sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp. Việc xác định giá thành thực tế của một loại sản phẩm được dựa trên kết quả tổng giá thành sản phẩm của tất cả các sản phẩm hoàn thành trong tháng 10.

2.2.3.1. Đối tượng tính giá thành

Căn cứ vào đặc điểm cơ cấu tổ chức, đặc điểm quy trình công nghệ, kỹ thuật sản xuất sản phẩm, đặc điểm tính chất sản phẩm, yêu cầu hạch toán kinh tế và quản lý của mình, DN lựa chọn đối tượng tính giá thành là toàn bộ sản phẩm sản xuất ra trong kỳ.

2.2.3.2. Phương pháp tính giá thành

Do quy mô nhỏ và quy trình sản xuất nhỏ và quy trình sản xuất sản phẩm không phức tạp nên doanh nghiệp tính giá thành sản phẩm theo phương pháp giản đơn. Theo đó, giá thành sản phẩm được tính như sau:

Tổng giá trị sp hoàn thành = Tổng CFSX thực tế phát sinh

$$\text{Giá thành sản phẩm} = \frac{\text{Tổng CFSX thực tế phát sinh}}{\text{Số lượng thành phẩm}}$$

-Các bước tính giá thành:

+Cập nhật nguyên vật liệu tồn đầu kỳ, phát sinh trong kỳ

+Tính giá xuất nguyên vật liệu

+Kết chuyển chi phí trực tiếp

+Tính số lượng sản phẩm nhập kho trong kỳ

+Tính giá thành sản phẩm

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trong tháng 10, Công ty TNHH SX&TM Sao Đỏ đã tập hợp được như sau:

-Số thành phẩm sx được : 180.669 sp

-VLTT: 186.089,07kg với đơn giá BQGQ:13.102đ/kg

=>CFNVLTT= 13.102 x 186.089,07 = 2.438.138.995 đồng

-CFNCTT : 73.494.150 đồng

-CFSXC:

+Chi bằng tiền mặt: 46.533.200 đồng

+KHTSCĐ ở BPSX: 13.636.513,92 đồng

=>Tổng giá trị sp hoàn thành:

$2.438.138.995 + 73.494.150 + 46.533.200 + 13.636.513,92 = 2.571.802.859,92đ$

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thành} & & 2.571.802.859,92đ & & \\ \text{sp} & = & \frac{\quad}{180.669} & = & 14.234,88 \end{array}$$

2.3. Đánh giá thực trạng kế toán thành phẩm, giá thành tại công ty

Quá trình hoạt động sản xuất kế toán giữa công ty từ khi thành lập tới nay đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, thể hiện ở chặng đường phấn đấu không ngừng của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty. Việc áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm cùng với sự mở rộng không ngừng quy mô sản xuất khiến sản phẩm của công ty ngày càng thích nghi với nhu cầu thị trường, tạo điều kiện để từng bước hoà nhập với cu thể phát triển chung của nền kinh tế quốc dân

Khi nền kinh tế nước ta chuyển sang cơ chế thị trường là 1 cơ quan nhạy bén cùng những cơ chế kinh tế mới, công ty TNHH SX&TM Sao Đỏ đã có những phát triển khá nhanh. Sự năng động, linh hoạt cùng với việc áp dụng kịp thời công nghệ thông tin vào công tác kế toán tại công ty đã từng bước phát huy hiệu quả, giảm bớt khối lượng ghi chép, hạch toán và cung ứng thông tin nhanh chóng, kịp thời cho ban lãnh đạo công ty, giúp ban lãnh đạo công ty đưa ra những quyết định đúng đắn trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nhận thức được việc đã đưa ra các giải pháp phù hợp trong điều kiện hiện nay chỉ có thể thực hiện trên cơ sở sản phẩm phân tích đánh giá một cách đầy đủ khách quan tình hình quản lý của công ty mà nội dung chủ yếu là công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, công ty luôn cố gắng nghiên cứu để tìm ra những biện pháp cụ thể về quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cho phù hợp với điều kiện cụ thể của mình. Song nói như vậy không có nghĩa là không có những hạn chế trong công tác kế toán tại công ty. Dưới góc độ là một sinh viên thực tập lần đầu tiên được làm quen với thực tế, em xin mạnh dạn nêu ra một số ý kiến nhận xét về công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty nói riêng như sau:

2.3.1. Những ưu điểm

* *Về bộ máy lãnh đạo quản lý:* Bộ máy lãnh đạo quản lý của công ty gọn nhẹ, các phòng ban chức năng làm việc có hiệu quả, tổ chức hạch toán được tiến hành hợp lý và khoa học.

* *Về bộ máy kế toán:* Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, tinh giảm gọn nhẹ, phù hợp với đặc điểm và tình hình sản xuất của công ty. Hình thức này cũng đảm bảo sự thống nhất từ khâu hạch toán ban đầu đến khâu lập vào cáo tài chính, nó cung cấp cho ban lãnh đạo kịp thời, đúng đắn, chính xác phục vụ cho công tác kiểm tra, chỉ đạo sản xuất kinh doanh phù hợp với thực tế và đạt được hiệu quả cao.

-Phòng kế toán chịu sự chỉ đạo chung của kế toán trưởng, mỗi phân hành kế toán đều do một nhân viên kế toán đảm nhiệm tạo cho các nhân viên tinh thần tự chủ và có trách nhiệm trong công việc

-Đội ngũ kế toán viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực sáng tạo trong công việc, có tác phong làm việc nghiêm túc, khoa học, năng động có tinh thần tập thể cao luôn giúp đỡ nhau trong công tác.

-Thông tin do phòng kế toán cung cấp nhanh chóng, chính xác, đầy đủ, kịp thời nên thuận lợi cho việc đối chiếu kiểm tra giữa các bộ phận sản xuất kinh doanh về việc lập báo cáo tài chính được thuận lợi và dễ dàng. Đồng thời giúp lãnh đạo nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của DN, giúp lãnh đạo có được phương án giải quyết kịp thời, đúng đắn thúc đẩy sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

* *Về tổ chức sổ sách kế toán:* Hệ thống sổ sách kế toán ở công ty nhìn chung được xây dựng phù hợp với chế độ kế toán, đáp ứng được yêu cầu quản lý của công ty. Hình thức sổ được công ty sử dụng hiện nay là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức kế toán đơn giản, phù hợp quy mô, tình hình sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của công ty. Hình thức này còn tạo điều kiện thuận lợi có thể áp dụng phần mềm kế toán.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tại công ty các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật thường xuyên, đầy đủ chính vì vậy công ty luôn đảm bảo cho việc lập và nộp báo cáo kịp thời cho đơn vị chủ quản vào cuối mỗi quý.

Về kế toán chi phí nguyên vật liệu: công tác này được thực hiện nghiêm chỉnh theo đúng chế độ, các phiếu nhập kho, xuất kho NVL được cập nhật đầy đủ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tính giá nguyên vật liệu xuất kho và tính giá thành được chính xác

Công ty đã xây dựng các định mức nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng khá chính xác với thực tế sản xuất

Về kế toán chi phí nhân công trực tiếp: công ty áp dụng hình thức trả lương sản phẩm, khuyến khích người lao động làm việc, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, công tác hạch toán tiền lương được thực hiện nghiêm túc, đúng chế độ quy định.

Về kế toán sản xuất chung: công tác kế toán này được tiến hành tương đối theo đúng quy định.

2.3.2. Những tồn tại cần khắc phục

Do đối tượng tính giá thành sản phẩm là toàn bộ sản phẩm sản xuất ra. Do đó Công ty chỉ tính tổng giá thành mà không tính giá thành đơn vị thực tế của từng loại sản phẩm.

Về công tác kế toán chi phí nhân công trực tiếp: Công ty đã trích BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định nhưng lại chưa trích KPCĐ cho người lao động. Công ty không trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân viên nếu vậy khi phát sinh chi phí này sẽ làm ảnh hưởng đến chi phí sản xuất kinh doanh của DN

Về công tác kế toán chi phí sản xuất chung: Công ty không trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ thì khi có TSCĐ cần sửa chữa lớn mà công ty hạch toán luôn vào chi phí thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp giá thành sản phẩm trong kỳ đó và như vậy cũng là sai nguyên tắc.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Về công tác tính giá thành sản phẩm: Do việc tập hợp chi phí sản xuất chưa đầy đủ do đó giá thành sản phẩm của công ty cũng chưa chính xác. Nên đòi hỏi công tác tính giá thành sản phẩm là phải tính đúng, tính đủ chi phí cho sản phẩm.

Trên đây là một số ưu điểm, hạn chế của công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm ở Công ty TNHH SX&TM Sao Đỏ. Tuy hiểu biết về thực tế còn chưa nhiều cũng như chưa có thời gian để tìm hiểu kỹ công tác kế toán của công ty nhưng qua bài, em xin trình bày một số biện pháp nhằm góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH SX&TM Sao Đỏ

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH SX&TM SAO ĐỎ

3.1. Sự cần thiết và nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty

3.1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Nhìn chung các doanh nghiệp đều tôn trọng nguyên tắc giá phí trong việc xác định giá trị của các đối tượng cần tính giá. Việc tổ chức công tác tính giá cho các đối tượng cần tính giá theo các yếu tố cấu thành giá mà doanh nghiệp đã và đang thực hiện là một trong các nội dung biểu hiện trong công tác kế toán tại doanh nghiệp. Sản phẩm hoàn thành là thành quả của 1 quá trình lao động và sản xuất của cán bộ công nhân viên trong toàn doanh nghiệp. Nhưng để có được mong muốn đòi hỏi doanh nghiệp phải bỏ ra rất nhiều chi phí cũng như công sức lao động của những người tham gia. Việc tập hợp các khoản chi phí này cho phép tính được tổng chi phí đã chi ra, giá thành sản xuất của sản phẩm từ đó xác định mức giá tối thiểu các sản phẩm để thu về hiệu quả sản xuất kinh doanh

Như vậy, trong công tác quản lý doanh nghiệp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là những chỉ tiêu kinh tế tổng hợp quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tình hình quản lý và sử dụng các yếu tố sản xuất kinh doanh của cả doanh nghiệp kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm có một tầm quan trọng đặc biệt, là một phần hành không thể thiếu trong công tác kế toán của bất kỳ một doanh nghiệp nào nhằm

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

cung cấp thông tin cần thiết để tính đúng tính đủ chi phí sản xuất và tính toán chính xác giá thành sản phẩm. Do đó các thông tin về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm luôn được các nhà quản lý quan tâm, chúng là những chỉ tiêu phản ánh chất lượng của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, mang lại cho những nhà quản lý nhiều định hướng cũng như các quyết định quan trọng trong việc điều hành. Mục tiêu phân đầu hạ giá thành sản phẩm là điều kiện chủ yếu giúp cho sản phẩm của doanh nghiệp có thể đứng vững chắc trên thị trường

Như vậy, sự hoàn thiện của công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm góp phần không nhỏ và sự thành công trong kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cần phải ngày càng hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm để tăng cường hiệu quả kế toán cũng như quản trị doanh nghiệp, góp phần tăng sức mạnh của doanh nghiệp.

3.1.2. Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ nội dung tổ chức kế toán tại doanh nghiệp. Do đó, công tác kế toán này phải tuân theo những nguyên tắc chung

Trước hết tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải đúng với luật kế toán, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán, phù hợp với những yêu cầu quản lý vĩ mô của Nhà nước. Bên cạnh đó tổ chức công tác kế toán này phải phù hợp với các chế độ, chính sách, thể lệ văn bản pháp quy về kế toán do Nhà nước ban hành. Đối với đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kế toán phải có trình độ chuyên môn phù hợp với công tác tổ chức kế toán này. Tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải đảm bảo nguyên tắc gọn nhẹ, tiết kiệm, hiệu quả.

-Thống nhất trong tổ chức

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+Doanh nghiệp phải đảm bảo sự thống nhất giữa chỉ tiêu quản lý và chỉ tiêu hạch toán.

+Doanh nghiệp cũng phải đảm bảo sự thống nhất về phương pháp hạch toán trong một niên độ kế toán. Doanh nghiệp chọn phương pháp hạch toán phải sử dụng hết chu kỳ kế toán (1 năm) mới được phép thay đổi. Trường hợp có thay đổi chính sách và phương pháp kế toán đã chọn thì phải giải trình lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi đó trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

+Doanh nghiệp phải đảm bảo sự thống nhất về hệ thống tài khoản và sổ kế toán

-Nguyên tắc phù hợp về loại hình kinh doanh là doanh nghiệp sản xuất,điều kiện cơ sở vật chất phù hợp

+Doanh nghiệp đảm bảo sự phù hợp về quy mô hoạt động

+Sự phù hợp đối với yêu cầu về trình độ quản lý

+Doanh nghiệp phải tính đến khả năng hạch toán của đơn vị,sự phù hợp về nhân sự cũng như thay đổi về nhân sự

+Việc ghi nhận chi phí là phải phù hợp. Đó là sự phù hợp giữa ghi nhận doanh thu và chi phí ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu là khoản chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu trong kỳ đó

Ngoài ra,tổ chức công tác kế toán này phải có sự thận trọng,chi phí được ghi nhận có bằng chứng về khả năng phát sinh chi phí đó.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán CFSX và tính giá thành sản phẩm tại công ty:

***Về đối tượng tính giá thành sản phẩm**

Mục đích của kế toán tổng hợp chi phí sản xuất thực tế là xác định giá thành của sản phẩm, bảo đảm đúng về số lượng chi phí, hợp lý về kết cấu các khoản mục giá thành. Việc tính giá thành sản phẩm đúng, giúp cho kế toán có cơ sở để xác định giá vốn thành phẩm tiêu thụ và tính toán đúng kết quả sản phẩm kinh doanh đúng. Mặt khác, khi tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo từng khoản mục sẽ giúp cho kế toán phân tích các nguyên nhân ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh, đảm bảo cung cấp thông tin có chất lượng cho công tác hạch toán kinh tế nội bộ và điều hành quản lý sản xuất kinh doanh

Tại công ty TNHH SX&TM Sao Đỏ để phù hợp với quy mô cũng như đặc điểm của quy trình công nghệ thì việc xác định đối tượng tính giá thành sản phẩm nên theo từng loại sản phẩm sản xuất ra trong kỳ chứ không nên tính giá thành tổng hợp cho tất cả các sản phẩm trong tháng. Việc xác định đúng đối tượng tính giá thành sản phẩm sẽ giúp kế toán phản ánh chính xác đơn giá của từng loại sản phẩm.

***Về công tác kế toán chi phí nhân công trực tiếp:**

Công ty đã trích các khoản BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định nhưng không trích KPCĐ cho người lao động mà do họ tự đóng góp. Công ty nên tiến hành trích lập KPCĐ theo quy định. Theo quy định hiện hành, KPCĐ được trích theo tỷ lệ quy định là 2% trên tổng số tiền lương phải trả cho người lao động và DN phải chịu toàn bộ khoản chi phí đó (tính vào chi phí sản xuất kinh doanh)

Khi trích KPCĐ, có các hoạt động công đoàn thì đời sống của người lao động được quan tâm, các quyền lợi được đảm bảo đầy đủ hơn. Từ đó khuyến

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

khích người lao động có tinh thần trách nhiệm làm việc tốt hơn và sẽ đóng góp được nhiều hơn nữa cho công ty.

*Về công tác kế toán chi phí sản xuất chung:

-Để đảm bảo cho giá thành sản phẩm sản xuất ra trong kỳ không bị biến động nhiều khi phát sinh chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, công ty nên tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

Khi trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ kế toán ghi:

Nợ TK 631

Có TK 335

Trong kỳ phát sinh chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, kế toán ghi:

Nợ TK 241

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331

Cuối kỳ, quyết toán chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

Nợ TK 335

Có TK 241

Nếu số trích trước lớn hơn số thực tế phát sinh, kế toán ghi giảm phần chênh lệch bằng cách phản ánh vào thu nhập hoạt động khác:

Nợ TK 335

Có TK 711

Nếu số trích trước lớn hơn số thực tế phát sinh, kế toán tiến hành trích lập bổ sung thêm:

Nợ TK 631

Có TK 335

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Để đảm bảo sự ổn định của chi phí nhân công trực tiếp trong giá thành sản phẩm sản xuất ra, kế toán nên tiến hành trích trước chi phí tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích trước tiền} \\ \text{lương nghỉ phép} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tiền lương cơ bản thực tế phải trả} \\ \text{cho CNV trong tháng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ trích} \\ \text{trước} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ} \\ \text{trích trước} \end{array} = \frac{\text{Tổng TL nghỉ phép của CNSXTT theo KH}}{\text{Tổng TL chính phải trả cho CNTTSX trong năm theo KH}}$$

Hàng tháng khi trích trước tiền lương, tiền nghỉ phép, kế toán căn cứ vào kết quả tính toán số trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất để hạch toán, Kế toán ghi:

Nợ TK 622

Có TK 335

Số tiền trích trước thực tế phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất phát sinh trong tháng kế toán ghi:

Nợ TK 335

Có TK 334

Khi thanh toán tiền lương nghỉ phép cho công nhân, kế toán ghi:

Nợ TK 334

Có TK 111, 112

Cuối năm kế toán tiến hành so sánh số chi lương nghỉ phép và số trích trước để tìm ra khoản chênh lệch nếu có:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

-Nếu số trích trước lớn hơn thực tế, kế toán hạch toán giảm chi phí nhân công TT

Nợ TK 335

Có TK 631

-Nếu số trích trước nhỏ hơn thực tế, kế toán hạch toán tăng chi phí NCTT

Nợ TK 631

Có TK 335

*Về công tác quản lý:

Công ty cần tổ chức bồi dưỡng để nâng cao trình độ tổ chức sản xuất, lãnh đạo trong công ty để nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí vật tư, lao động, chi phí quản lý... từ đó có thể tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm

*Tin học hoá công tác kế toán:

Công ty cũng nên xem xét tình hình cụ thể của mình về tình hình trang bị các phương tiện kỹ thuật kế toán, xử lý thông tin, mã hoá các chứng từ, phân loại để thuận tiện cho việc áp dụng phần mềm kế toán máy, giảm bớt khối lượng công việc, giúp cho công việc kế toán được hiệu quả

Hiện nay công ty có sử dụng phần mềm kế toán, mọi sổ sách đều được lưu trữ trên máy tính và được thông tin qua lại giữa các nhân viên trong phòng kế toán do công ty có lắp mạng máy tính nội bộ trong phòng kế toán nhưng hệ thống máy tính của phòng kế toán chưa được nối với các phòng ban khác trong công ty cũng như phòng giám đốc. Do vậy việc cập nhật thông tin chưa được nhanh chóng kịp thời khi cần thiết. Công ty nên lắp đặt mạng máy tính nội bộ trong toàn công ty. Việc làm này giúp nâng cao tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của thông tin kế toán đồng thời giúp ban giám đốc luôn nắm bắt được tình hình tài chính của công ty.

